

Bản án số: 834/2024/HS-PT

Ngày: 08/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T28 mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 813/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Huy Đ6 và các bị cáo khác phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Đánh bạc” và “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T28.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Huy Đ6** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 17 tháng 11 năm 1992, tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, Cụm C, phường H, quận T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: P, tòa nhà F, tầng A, Chung cư S, phường M, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn) lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Huy T và bà Nguyễn Thị H; Vợ Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con: Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

2. **Trần Anh L1** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 11 tháng 4 năm 1992, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số nhà E, TT7, khu đô thị V, phường P, quận H,

thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Trần Đình P và bà Trần Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

3. **Phạm Thế H1** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 18 tháng 11 năm 1998, tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Số E đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Phạm Văn H2 và bà Dương Thị H3; Vợ: Giáp T, sinh năm 2001 (đã ly hôn). Con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

4. **Nguyễn Quốc T1** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 05 tháng 12 năm 1998, tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Số I, ngách B, ngõ B, đường T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn) Lớp: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

5. **Ngô Thị Kim D** (Tên gọi khác: Kim Y); Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1996, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Ngô Văn M và bà Huỳnh Thị Kim L2; Chồng: Huỳnh Thanh S1, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Con: Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

6. **Đinh Tiến Đ** (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 26 tháng 01 năm 1993, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Đinh Văn T2 và bà Võ Thị H4; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2015/HS-ST ngày 28/7/2015 của TAND huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp

tài sản”; Bản án phúc thẩm hình sự số 197/2015/HS-PT ngày 24/9/2015 của TAND tỉnh Long An xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm (chấp hành nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng ngày 15/10/2015 và án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng ngày 22/02/2016).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2019/HS-ST ngày 24/5/2019 của TAND huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chấp hành tiền nộp án phí 200.000 đồng ngày 22/9/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

7. Vũ Minh C (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 26 tháng 9 năm 2000, tại huyện M, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Sinh viên Trường Đại học K3; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Vũ Minh T3 và bà Nguyễn Thị N1; Vợ, con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến ngày 19/8/2023. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, có mặt.

8. Đường Thị Phương T4 (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 31 tháng 10 năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Đường Lý Tùng H5 và bà Hoàng Thị L3; Chồng Phan P1; Con: Có 02 con (01 con mới sinh 2024); Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2023, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Khúc Minh T8 (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 17 tháng 01 năm 1997, tại tỉnh Bắc Ninh; Nơi ĐKKHKT: Phố L, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Chỗ ở: Số B C, đường L, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Khúc Đình S2 và bà Nguyễn Thị H6; Vợ: Phạm Nguyễn Khánh H7; Con: Có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

10. Lê Thị N2 (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1991, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không;

Con ông Lê Công H8 và bà Nguyễn Thị V; Chồng: Nguyễn Văn Q (là bị cáo trong vụ án); Con: Có 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2023, thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 23/9/2023, có mặt.

11. Nguyễn Đồng Khánh H9 (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000, tại tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Ngọc H10 và bà Đồng Thị H11; Chồng: Nguyễn Phương N3; Con: Có 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh L1 và Lê Thị N2: Luật sư Trần Chung K1 – Công ty L11 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị N2: Luật sư Nguyễn Hồng T5 và luật sư Trần Thị L4 – Công ty L12 thuộc Đoàn luật sư thành phố H, luật sư Nguyễn Hồng T5 có mặt, luật sư Trần Thị L4 có đơn xin vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huy Đ6 và Phạm Thế H1 do Tòa án chỉ định: Ông Nguyễn Đình T6 - Luật sư Công ty L13 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T1, Ngô Thị Kim D và Đinh Tiến Đ do Tòa án chỉ định: Ông Nguyễn Anh T7 - Luật sư Công ty L14 thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4 và Khúc Minh T8 do Tòa án chỉ định: Bà Chu Thị Hương N4 - Luật sư Công ty L15 và công sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T28 và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T28, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. HÀNH VI LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN CỦA CÔNG TY T26, CÓ TRỤ SỞ TẠI TẦNG 2, TÒA NHÀ REE TOWER, SỐ 9, ĐOÀN VĂN BƠ, PHƯỜNG A, QUẬN D, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (viết tắt là Công ty F1):

Lợi dụng sơ hở của Công ty F1 trong việc quản lý mã Code (là tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập vào ứng dụng Vymo, I để tạo lập hồ sơ vay vốn của Công ty F1) và hình thức đăng nhập ứng dụng Vymo (sau này là I) đơn giản, chỉ cần nhập tên và mật khẩu là đăng nhập được vào ứng dụng để lập hồ sơ vay vốn trực tuyến, nên các bị cáo dễ dàng thuê, mượn mã C8 để tạo lập hồ sơ vay vốn chiếm đoạt tiền giải ngân mà không bị Công ty F1 phát hiện. Hồ sơ vay vốn mà các bị cáo lừa tạo lập trong vụ án chủ yếu là sản phẩm vay “XSTU” của Công ty F1, với điều kiện là khách hàng trước đó đã vay vốn, có lịch sử trả nợ tốt, tại thời điểm làm hồ sơ không có khoản vay và không có nợ xấu. Do đó, các bị cáo tìm mua dữ liệu thông tin khách hàng (Data), sử dụng ứng dụng ví Momo (là ứng dụng lập hồ sơ vay vốn Vymo) để loại bỏ những khách hàng đang vay của các tổ chức tín dụng khác (không đủ điều kiện vay); thuê người kiểm tra thông tin của khách hàng trong Kho lưu trữ của Ngân hàng N11 và Kho dữ liệu của Công ty F1 để loại bỏ những người có nợ xấu, không đủ điều kiện vay vốn; sau đó các bị cáo nhận được hình ảnh trong hồ sơ vay gồm CMND, CCCD, ảnh chân dung của khách hàng. Khi đã chọn được những khách hàng có đủ điều kiện vay vốn, các bị cáo gọi điện cho khách hàng, nói dối là nhân viên của Công ty bảo hiểm hoặc Công ty Đ7, trả tiền bảo hiểm hỗ trợ dịch Covid 19 hoặc tặng sản phẩm dùng thử miễn phí; nếu người nghe đồng ý gặp để nhận tiền, nhận quà thì các bị cáo tạo lập hồ sơ vay vốn bằng C8 đi thuê, mượn; thuê người làm tài khoản ngân hàng O dùng làm tài khoản giải ngân trong hồ sơ vay (số điện thoại sử dụng dịch vụ Internet Banking do các bị cáo quản lý).

Sau đó, các bị cáo cầm đầu, chủ mưu trực tiếp hoặc thuê các bị cáo khác đi gặp khách hàng lừa sử dụng ứng dụng Vymo (Isale) trên điện thoại di động chụp CMND hoặc CCCD và ảnh chân dung khách hàng để lập hồ sơ vay vốn hoặc gửi cho một bị cáo khác chụp lại để lập hồ sơ vay, rồi sử dụng ứng dụng Fe Mobile (sau này là Fe online) chụp ảnh chân dung khách hàng để ký hợp đồng vay vốn điện tử, hoàn tất việc tạo lập hồ sơ. Các bị cáo đăng nhập ứng dụng Vymo (I) để lập hồ sơ bằng Code đi thuê, đăng nhập ứng dụng Fe Mobile (F2) để ký hợp đồng vay vốn bằng số điện thoại của các bị cáo đăng ký trong hồ sơ vay vốn do bị cáo quản lý. Sau khi hợp đồng vay vốn điện tử được ký, Công ty F1 giải ngân khoản vay về tài khoản nhận tiền giải ngân trong hồ sơ vay do bị cáo quản lý, bị cáo chuyển khoản sang tài khoản khác và rút tiền mặt ra tại các điểm rút tiền dịch vụ sử dụng cho mục đích cá nhân. Bằng phương thức, thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2022, các bị cáo đã thực hiện các hành vi lừa tạo lập hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Công ty F1, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Huy Đ6 và đồng phạm:

1.1. Giai đoạn từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021:

Đầu năm 2021, Nguyễn Huy Đ6 tìm kiếm khách hàng có nhu cầu vay tiền để giới thiệu cho nhân viên tín dụng hoặc giúp người vay tiền làm hồ sơ vay với các công ty tài chính, để lấy tiền công. Trong đó, Đ6 có hỗ trợ khách hàng vay vốn của Công ty F1, nên biết được điều kiện, cách thức tạo lập hồ sơ vay vốn trên phần mềm “PL” của Công ty F1, khách hàng không có nợ xấu, có lịch sử tín dụng tốt (đã vay tiền của các tổ chức tín dụng, trả nợ đúng hạn) và phải có sim điện thoại sử dụng tối thiểu 03 tháng, mỗi tháng từ 50.000 đồng trở lên. Từ đó, Đ6 nảy sinh ý định lừa tạo lập hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tiền của Công ty F1; Đ6 tìm những người có nhu cầu vay tiền trong các hội, nhóm hỗ trợ trên mạng xã hội, kiểm tra thông tin xem khách hàng có đủ điều kiện vay không (thuê check pega hoặc qua ví Momo). Sau khi chọn được khách hàng có đủ điều kiện vay, Đ6 mua hoặc thuê sim điện thoại di động, thuê Code trong các hội, nhóm trên mạng xã hội để tạo lập hồ sơ vay vốn (không xác định được Đ6 đã thuê Code của ai). Sau đó, Đại giả làm nhân viên của Công ty F1 liên hệ, yêu cầu khách hàng chụp ảnh Căn cước công dân (CCCD) hoặc Chứng minh nhân dân (CMND) gửi cho Đ6 tạo hồ sơ vay vốn; Đ6 lấy số điện thoại đủ điều kiện để đăng ký trong hồ sơ vay, lấy số điện thoại nghe thăm định trong hồ sơ (là số sim rác của Đ6); hướng dẫn khách hàng tự chụp ảnh chân dung làm tài khoản ngân hàng O để sử dụng nhận giải ngân, nhưng phải lấy số điện thoại của Đại để đăng ký và sử dụng dịch vụ Internet Banking (Đ6 lấy lý do để khi ngân hàng gọi đến thăm định hồ sơ thì Đ6 còn nghe và tham chiếu). Sau khi tạo lập xong hồ sơ, Đ6 hướng dẫn khách hàng tải ứng dụng Fe Mobile về điện thoại, rồi tự chụp ảnh ký hợp đồng vay vốn trực tuyến. Khi hợp đồng được ký và được duyệt giải ngân về tài khoản, Đ6 sử dụng Internet Banking chuyển toàn bộ số tiền trong tài khoản giải ngân sang các tài khoản khác, rồi rút ra chiếm đoạt.

Với phương thức, thủ đoạn trên Đ6 đã lừa tạo lập 14 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 664.900.000 đồng.

1.2. Giai đoạn từ ngày 02/11/2021 đến ngày 11/01/2022:

1.2.1. Từ ngày 02/11/2021 đến ngày 14/12/2021:

Cuối tháng 10/2021, Công ty F1 ra sản phẩm cho vay mới “XSTU”, là gói vay dành cho khách hàng đã từng vay vốn của Công ty F1, có lịch sử trả nợ tốt, tại thời điểm đăng ký vay không có khoản vay ở ngân hàng khác, số tiền cho vay dao động từ 20.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, hình thức vay trực tuyến. Ngay sau đó, Nguyễn Hoàng A sinh năm 1991 (trú ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (người quen Đ6) đã tìm hiểu về sản phẩm “XSTU” và giới thiệu cho Đ6 biết, đồng thời hỏi Đ6 có làm hồ sơ vay cho khách không, nếu làm sẽ cho Đ6 thuê C1 để tạo lập hồ sơ. Đ6 đã đồng ý thuê C1 của Hoàng A với giá từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng/01 hồ sơ vay vốn được giải ngân, mục đích Đ6 sử dụng để lừa tạo lập hồ sơ vay vốn theo sản phẩm “XSTU”, chiếm đoạt tiền của Công ty F1. Sau đó, Đ6 rủ Trần Anh L1, Ngô Thị Kim D và Huỳnh Thị Yến L5

sinh năm 2003 (trú tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp) cùng tham gia, vì L1, D và Yến L5 đang ở cùng Đ6 tại số I, phố Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

Đ6 và L1 liên hệ với Phạm Phương T9 (trú tại đội 4 Đ, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội) mua dữ liệu thông tin những khách hàng ở nhiều tỉnh, thành đã từng vay vốn của Công ty F1 (Data); thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O để đăng ký trong hồ sơ khách hàng nhận tiền giải ngân (Đ không trực tiếp làm tài khoản mà thuê Lê Thị N2 làm, Đ chỉ liên hệ và hưởng tiền chênh lệch). Sau đó, Đ6 trực tiếp tạo lập hồ sơ khách hàng, thử nghiệm cách ký hợp đồng vay vốn như chụp hình ảnh chân dung khách hàng trong dữ liệu cá nhân để ký hợp đồng vay điện tử; chụp và chỉnh sửa ảnh chân dung của Đ6, Yến L5, L1 cho gần giống với ảnh chân dung khách hàng trong hồ sơ tạo lập (Đại gắn ảnh Yến L5 vào hồ sơ khách hàng Nguyễn Thị Diễm P2, gắn ảnh Đại vào hồ sơ khách hàng Nguyễn Phong V1, gắn ảnh L1 vào hồ sơ khách hàng Bùi Đắc D1). D và Yến L5 thực hiện việc kiểm tra điều kiện vay của khách hàng. Nhưng cách làm trên không hiệu quả, nên Đ6 và L1 bàn lấy lý do “mở thẻ tín dụng miễn phí” để lừa chụp CCCD, CMND và ảnh chân dung khách hàng, rồi ký hợp đồng vay điện tử với Công ty F1 để chiếm đoạt tiền giải ngân.

Cuối tháng 11/2021 đến đầu tháng 12/2021, Đ6 lần lượt rủ thêm Nguyễn Quốc T1; Phạm Thế H1 và Nguyễn Anh Q1 sinh năm 2000 (trú tại thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) cùng tham gia và phân công trực tiếp đi lừa chụp ảnh khách hàng (CCCD hoặc CMND và ảnh chân dung) để ký hợp đồng vay vốn điện tử; Đ6 thỏa thuận trả công 2.000.000 đồng/01 hồ sơ được giải ngân.

Trong thời gian này, Đ6 cùng với L1 và các đồng phạm trên đã câu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 20 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.141.800.000 đồng.

1.2.2. Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 11/01/2022:

Đ6 tiếp tục cùng với L1 mua dữ liệu những khách hàng có địa chỉ tại các tỉnh T28, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng và Bắc Kạn của Phạm Phương T9. Đại thuê một số Code của Hoàng A (một số Code do Huỳnh Thị Yến L5 mượn từ các hội, nhóm hỗ trợ vay vốn của Công ty F1 trên mạng xã hội); thuê Đinh Tiến Đ và Lê Thị N2 làm tài khoản ngân hàng O. Đ6 thuê thêm Lê Quốc T10 sinh năm 1994 (trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh T28); Đường Thị Phương T4 và Lê Văn Thanh P3 sinh năm 1999 (trú tại số C Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế); Vũ Minh C; Nguyễn Hoàng L6 sinh năm 2004 (trú tại xóm H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định) và Trương Thị Úy T11 sinh năm 2000 (trú tại số C, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre). Trong đó, Đ6 phân công C quản lý T11 và L6; L6 quản lý T10; T11 quản lý P3 và T4 và có nhiệm vụ tổng hợp số lượng hợp đồng ký được trong ngày để báo cho Đ6, rồi nhận tiền công từ Đ6 và L1 để trả cho các bị cáo trực tiếp đi chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng. Đ6 và L1 trả tiền công cho các bị cáo được thuê làm quản lý

từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 hồ sơ được giải ngân; trả tiền công cho các bị cáo trực tiếp đi chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/01 hồ sơ được giải ngân.

Đ6 lập các tài khoản Zalo để liên lạc trong nhóm, cập nhật thông tin khách hàng, hướng dẫn các đối tượng cách sử dụng phần mềm Fe Mobile trên địa thoại di động chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng vay vốn điện tử (Đ6 sử dụng Zalo “Quốc Khánh”, “Trần Trung N5”; L1 sử dụng Zalo “Mina”; T10 sử dụng Zalo “Quốc Tiến”; T1 sử dụng Zalo “Huy Toàn”; H1 sử dụng Zalo “Minh Khang”; T11 sử dụng Zalo “Tuyn”; C sử dụng Zalo “Hoàng Nam”; L6 sử dụng Zalo “Hoàng Luân”); tạo lập hồ sơ vay vốn, theo dõi tiền giải ngân để chuyển sang các tài khoản trung chuyển. L1 mua dữ liệu khách hàng, in màu CCCD và CMND; in dữ liệu khách hàng chuyển cho D lọc, kiểm tra điều kiện vay của khách hàng; hướng dẫn các đối tượng đi chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng vay vốn điện tử; theo dõi tiền giải ngân để chuyển sang các tài khoản trung chuyển; quản lý tiền chiếm đoạt được. Yếu L5 ngoài việc tìm thuê một số Code trên mạng xã hội, còn tham gia cùng D lọc dữ liệu và kiểm tra điều kiện vay của khách hàng. H1 gọi điện cho khách hàng (theo số điện thoại có trong dữ liệu khách hàng) nói dối mình là nhân viên Công ty B3, hiện Công ty có chương trình hỗ trợ phòng chống dịch Covid là trả lại một phần tiền bảo hiểm mà trước đó khách hàng đã mua khi vay vốn của Công ty F1, nếu khách hàng đồng ý nhận tiền thì H1 lấy địa chỉ và hẹn thời gian đến gặp để chi trả; sau đó H1 ghi thông tin trên ra giấy chuyển cho T1 để đưa lên các tài khoản Zalo trong nhóm. Khi có thông tin khách hàng trên Zalo, C, T11, T10 và Phương T4 liên hệ với khách hàng theo địa bàn được phân công hẹn gặp chi trả tiền “bảo hiểm” (C quản lý việc ký hợp đồng vay vốn tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và T28; T11 hướng dẫn, quản lý ký hợp đồng vay vốn tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông; T4 trực tiếp đi chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng vay vốn tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước). Sau khi Đ6 đưa mã OTP lên nhóm Zalo, thì các bị cáo trên đến gặp khách hàng trả tiền “bảo hiểm”, lừa sử dụng ứng dụng Fe online trên địa thoại di động chụp ảnh khách hàng để ký hợp đồng vay vốn điện tử. Khi hợp đồng được ký, Đ6 theo dõi việc giải ngân của Công ty F1 và chuyển toàn bộ số tiền được giải ngân sang các tài khoản trung chuyển, quản lý số tiền chiếm đoạt được. Còn L1 quản lý các đối tượng được thuê đi chụp ảnh; đi rút tiền chiếm đoạt được tại các điểm dịch vụ chuyển tiền và quản lý, chi trả tiền ăn ở, sinh hoạt hằng ngày cho cả nhóm.

Trong thời gian này, Đ6 cùng với L1 và các đồng phạm trên đã câu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 79 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 4.756.400.000 đồng.

Trong giai đoạn này (từ ngày 02/11/2021 đến ngày 11/01/2022), Đ6 cùng với L1 và các bị cáo trên đã câu kết lừa tạo lập 99 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 5.898.200.000 đồng. Trong đó, Đ6 và Lâm chi

cho việc lừa tạo lập hồ sơ hết 1.264.500.000 đồng (mua dữ liệu khách hàng của Phạm Phương T9 35.720.000 đồng; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O 270.800.000 đồng; thuê Lê Thị N2 làm tài khoản ngân hàng O 160.000.000 đồng; thuê Code của Nguyễn Hoàng A 227.200.000 đồng; thuê Trần Quang Đ1 kiểm tra thông tin khách hàng 16.365.000 đồng; trả tiền “bảo hiểm” cho khách hàng 38.305.000 đồng; chi phí sinh hoạt cho các đối tượng đi chụp ảnh khách hàng 40.290.000 đồng; trả tiền công cho các đối tượng thuê quản lý và đi chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng vay vốn 368.120.000 đồng). Số tiền còn lại là 4.633.700.000 đồng, Đ6 khai đã thỏa thuận chia cho L, Đ6 chỉ hưởng 20%, vì L1 đã bỏ tiền ra chi phí ăn ở, sinh hoạt cho cả nhóm tại Khách sạn S Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội (tỷ lệ không cố định), nên số tiền L1 được hưởng là 2.868.550.000 đồng, Đ6 hưởng 1.629.750.000 đồng. Nhưng trong quá trình điều tra, L1 không thừa nhận được hưởng số tiền trên, còn Đ6 không cung cấp được tài liệu chứng minh việc ăn chia giữa Đ6 và lâm, nên xác định Đ6 đã hưởng lợi toàn bộ số tiền 4.633.700.000 đồng.

1.3. Giai đoạn từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022:

Đầu tháng 3/2022, Đ6 và L1 tiếp tục mua dữ liệu khách hàng ở các tỉnh Phú Thọ, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Quảng Bình, Quảng Trị của Phạm Phương T9. Lúc này D đang ở tỉnh Bình Dương, nhưng vẫn liên hệ thuê một số Code của Yến L5 (giai đoạn này Yến L5 không làm cho Đ6 và L1 nữa) để chuyển cho L1 và Đ6 sử dụng. Ngoài ra, Đ6 còn thuê một số Code từ các hội, nhóm hỗ trợ vay vốn của Công ty F1 trên mạng xã hội; thuê Đ1 và N2 làm tài khoản ngân hàng O. Sau đó, L1 lọc dữ liệu khách hàng, đi in CCCD và CMND chuyển cho Đại để tạo lập hồ sơ vay vốn; kiểm tra điều kiện vay của khách hàng; đưa thông tin khách hàng và mã OTP lên nhóm Z.

Đến đầu tháng 4/2022, D ra Hà Nội ở cùng L1 và thực hiện gọi điện cho khách hàng nói dối là “Công ty bảo hiểm có chương trình hỗ trợ dịch C2, chi trả một phần tiền bảo hiểm của khoản vay trước đây khách hàng vay của Công ty F1”, nếu khách hàng đồng ý thì D hẹn thời gian, địa điểm gặp và đưa thông tin khách hàng lên nhóm Z. Sau đó, các bị cáo được Đ6 và L1 thuê từ trước gồm H1, T1, T10 và các bị cáo mới thuê là Riêu Ngọc M1 sinh năm 1986 (trú tại tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh T28); Trần Xuân V2 sinh năm 1991 (trú tại tổ B, phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ); Nguyễn Văn H12 sinh năm 1994 (trú tại xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An), đi gặp khách hàng lừa trả tiền “bảo hiểm” và sử dụng ứng dụng Fe online trên điện thoại di động chụp CCCD hoặc CMND và ảnh chân dung khách hàng để ký hợp đồng vay vốn điện tử. Khi hợp đồng được ký, Đ6 theo dõi việc giải ngân của Công ty F1 và chuyển toàn bộ số tiền được giải ngân sang các tài khoản trung chuyển, quản lý số tiền chiếm đoạt được. Lâm quản lý các đối tượng được thuê đi chụp ảnh; đi rút tiền chiếm đoạt được tại các điểm dịch vụ chuyển tiền và quản lý, chi trả tiền ăn ở, sinh hoạt hằng ngày cho cả nhóm.

Trong giai đoạn này, Đ6 cùng L1 và các bị cáo trên đã cấu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 74 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 4.327.700.000 đồng.

Số tiền 4.327.700.000 đồng chiếm đoạt được trong giai đoạn này, Đ6 và L1 đã chi cho việc lừa tạo lập hồ sơ hết 829.078.000 đồng (mua dữ liệu khách hàng của Phạm Phương T9 18.261.000 đồng; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O 55.200.000 đồng; thuê Lê Thị N2 làm tài khoản ngân hàng O 204.500.000 đồng; thuê Code của Huỳnh Thị Yến L5 30.000.000 đồng; thuê Trần Quang Đ1 kiểm tra thông tin khách hàng 600.000 đồng; trả tiền “bảo hiểm” cho khách hàng 41.200.000 đồng; chi tiền đi lại, ăn nghỉ cho các đối tượng đi chụp ảnh khách hàng 155.585.000 đồng; trả tiền công cho H1, T1, T10, M1, V2, H12 đi chụp ảnh ký hợp đồng 255.000.000 đồng). Còn lại 3.498.622.000 đồng, Đ6 khai Đ6 và L1 đã chia đôi số tiền để hưởng lợi, nhưng trong quá trình điều tra L1 không thừa nhận được hưởng số tiền trên; đồng thời Đại không cung cấp được tài liệu chứng minh được việc ăn chia số tiền này giữa Đ6 và L1, nên xác định Đại hưởng toàn bộ số tiền 3.498.622.000 đồng.

1.4 Giai đoạn từ cuối tháng 7/2022 đến tháng 11/2022:

Đ6 tách ra không làm cùng với L1 và trực tiếp liên hệ mua dữ liệu khách hàng ở các tỉnh Hòa Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Gia Lai của Phạm Phương T9; thuê một số Code của Nguyễn Thị Minh T12 sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (Tuyển không biết Đ6 sử dụng Code để lừa đảo chiếm đoạt tài sản) và một số Code thuê của Nguyễn Hoàng A; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O; thuê Trần Quang Đ1 kiểm tra thông tin khách hàng. Sau đó, Đ6 rủ Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 cùng tham gia, thỏa thuận chia cho H1 và T1 30% số tiền lừa được giải ngân, sau khi trừ phí (cuối tháng 9/2022, H1 và T1 tách ra làm riêng). Đồng thời Đại tiếp tục thuê Lê Quốc T10, Nguyễn Văn H12 và thuê thêm Nguyễn Khắc Hoàng S3 và Tăng Tất T13 cùng tham gia thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty F1.

Đ6 trực tiếp tạo hồ sơ vay vốn của khách hàng; đưa mã OTP vào Zalo của H1, T1, T10 (Đ6 sử dụng Zalo “Thanh Són” và “Mai D2, H1 sử dụng Zalo “Huy Toàn”, T1 sử dụng Zalo “Quốc Toàn”, T10 sử dụng Zalo “Xuân Mạnh”); thuê kiểm tra hồ sơ có được giải ngân không; quản lý tiền chiếm đoạt được. Đ6 phân công H1, T1, T10 lọc dữ liệu khách hàng; gọi điện cho khách hàng nói dối là “Khách hàng đã mua trả góp tại Công ty Đ7, theo kết quả bốc thăm thì khách hàng được nhận sản phẩm dùng thử miễn phí”, nếu khách hàng đồng ý thì hẹn gặp trực tiếp để trao quà; đưa mã OTP do Đ6 gửi vào tài khoản Zalo của H12 là “N”, S3 là “Võ H13” và “H2”, T13 là “Rờ Tê”; kiểm tra điều kiện vay của khách hàng; tập tạo lập hồ sơ khách hàng; quản lý các đối tượng đi chụp ảnh ký hợp đồng vay vốn điện tử. Sau khi có thông tin khách hàng và mã OTP trên Zalo, H12, S3 và T13 sẽ liên hệ và đến gặp trực tiếp khách hàng để “tặng quà”,

lừa sử dụng ứng dụng Fe online trên điện thoại di động chụp CCCD hoặc CMND và ảnh chân dung khách hàng để ký hợp đồng vay vốn điện tử.

Trong giai đoạn này, Đ6 và các bị cáo trên đã cấu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 26 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.528.900.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1, Huỳnh Thị Yên L5:

2.1. Giai đoạn từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022:

Do Đ6 trả tiền công thấp và đã biết cách tạo lập hồ sơ vay vốn của Công ty F1, nên Phạm Thế H1 bàn với Nguyễn Quốc T1 không làm cho Đ6 nữa mà tách ra làm riêng (H1 và T1 cùng thuê trọ ở khu M, thành phố Hà Nội). H1 và T1 rủ Huỳnh Thị Yên L5 cùng tham gia và thỏa thuận chia cho Yên L5 15% tổng số tiền chiếm đoạt được, sau khi trừ chi phí. Theo thỏa thuận, Yên L5 đã liên hệ với Phạm Phương T9 mua dữ liệu khách hàng có địa chỉ ở các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Đồng Nai và thành phố Hà Nội; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O (Đ thuê Lê Thị N2 làm, rồi cung cấp cho Yên L5 và hưởng tiền chênh lệch); thuê Code của Nguyễn Hoàng A và Khúc Minh T8. H1 có trách nhiệm tạo lập hồ sơ vay vốn và thuê Vũ Văn S4 sinh năm 1998 (trú tại xóm D, xã P, huyện N, tỉnh Nam Định) đi trả tiền “bảo hiểm” lừa chụp ảnh khách hàng, ký hợp đồng vay vốn điện tử, mỗi hồ sơ được giải ngân H1 và T1 trả tiền công cho S4 2.000.000 đồng (chưa tính tiền thuê xe đi lại và chi phí ăn nghỉ). Sau đó, H1 tạo lập hồ sơ và cùng với T1 kiểm tra điều kiện vay của khách hàng; quản lý mã OTP và gửi cho S4 để đăng nhập vào ứng dụng F online chụp ảnh khách hàng ký hợp đồng vay vốn điện tử; quản lý tiền được giải ngân và rút tiền tại các điểm dịch vụ để chiếm đoạt.

Giai đoạn này, H1 và T1 cùng các bị cáo trên đã cấu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 17 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.040.300.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 1.040.300.000 đồng trên, H1 và T1 chi phí cho việc làm giả hồ sơ khách hàng hết 493.480.000 đồng (trả cho Yên L5 để trả tiền thuê C1, mua dữ liệu khách hàng, thuê làm tài khoản ngân hàng online 328.730.000 đồng; trả cho Lê Thị N2 tiền làm tài khoản ngân hàng O 2.000.000 đồng; trả cho Đinh Tiến Đ 8.000.000 đồng; trả tiền công cho S4 32.000.000 đồng; trả tiền bảo hiểm cho khách hàng để lừa chụp ảnh ký hợp đồng 13.700.000 đồng; chi phí tiền thuê xe, ăn nghỉ cho S4 39.050.000 đồng và có 70.000.000 đồng đã được Công ty F1 giải ngân, nhưng do tài khoản tên khách hàng Khương Minh N6 bị khóa nên không rút được số tiền này). Còn lại 546.820.000 đồng, H1 và T1 chia đều mỗi người hưởng 273.410.000 đồng.

2.2. Giai đoạn từ tháng 09/2022 đến cuối tháng 11/2022:

Thời gian này H1 và T1 thuê phòng ở tại chung cư S, quận H, thành phố Hà Nội. Do Yến L5 không tham gia làm cùng nữa, nên H1 và T1 trực tiếp liên hệ với Phạm Phương T9 mua dữ liệu khách hàng đã từng vay tiền của Công ty F1, có địa chỉ tại các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh và Hưng Yên; thuê Code của Nguyễn Hoàng A; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O; thuê Trần Quang Đ1 sinh năm 1989 (trú tại D Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng) kiểm tra khách hàng có đủ điều kiện vay không. Đồng thời, H1 và T1 rủ Nguyễn Viết K2 sinh năm 1994 (trú tại số I H, quận L, thành phố Hải Phòng) và Vũ Văn Q2 sinh năm 2003 (trú tại khu C, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa) cùng tham gia. Sau đó, H1 lập các nhóm Zalo để liên lạc trong việc làm giả hồ sơ (H1 sử dụng Zalo “Mafia Internet”, T1 sử dụng Zalo “Huy Toàn”, K2 sử dụng Zalo “Mr Khang”; T1 có nhiệm vụ lọc dữ liệu kiểm tra điều kiện vay của khách hàng (kiểm tra bằng ví Momo), rồi gửi thông tin khách hàng đủ điều kiện vay lên nhóm Z; thuê làm tài khoản ngân hàng O, chờ mã OTP đăng nhập vào ứng dụng Fe online do hệ thống gửi về để gửi lên nhóm Z; khi có thông tin về khách hàng thì K2 thực hiện việc gọi điện cho khách hàng hỏi có đồng ý mở thẻ tín dụng không, nếu khách hàng đồng ý thì K2 hẹn gặp, rồi đưa địa điểm, thời gian gặp khách hàng cho T1 đưa lên nhóm Z; trên cơ sở đó H1 và Q2 đi gặp khách hàng để chụp ảnh ký làm giả hồ sơ.

Tổng số các đối tượng đã làm giả 07 hồ sơ, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 386.500.000 đồng, thông tin về khách hàng cụ thể như sau: (1) Nguyễn Thị T14 sinh năm 1976, trú tại xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; giải ngân 68.100.000 đồng ngày 09/10/2022. (2) Nguyễn Thị H14 sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; giải ngân 35.000.000 đồng ngày 19/10/2022. (3) Nguyễn Thị Đ2 sinh năm 1977, trú tại thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giải ngân 33.900.000 đồng ngày 19/10/2022. (4) Phạm Thị A1 sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; giải ngân 70.000.000 đồng ngày 20/10/2022. (5) Nguyễn Thị Thủy sinh năm 1988, trú tại thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; giải ngân 60.000.000 đồng ngày 29/10/2022. (6) Vũ Thị L7 sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; giải ngân 55.000.000 đồng ngày 30/10/2022. (7) Nguyễn Thị H15 sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; giải ngân 64.500.000 đồng ngày 03/11/2022.

Số tiền 386.500.000 đồng chiếm đoạt trên, H1 và T1 đã chi phí cho việc làm giả hồ sơ khách hàng hết 149.050.000 đồng (thuê Code của Nguyễn Hoàng A 58.050.000 đồng; thuê Đinh Tiến Đ làm tài khoản ngân hàng O 18.500.000 đồng; mua dữ liệu khách hàng của Phạm Phương T9 1.500.000 đồng; tiền công của Nguyễn Viết K2 12.000.000 đồng; tiền công của Vũ Văn Q2 2.800.000 đồng; tiền công của Trần Quang Đ1 kiểm tra khả năng giải ngân 6.700.000 đồng; có 49.500.000 đồng chuyển sang tài khoản số 999990822826511 mang tên Nguyễn Thị X mở tại H23 nhưng sau đó tài khoản này bị khóa, nên không

rút được tiền). Còn lại 237.450.000 đồng, H1 và T1 chia đều mỗi người hưởng 118.725.000 đồng.

Ngoài ra, tháng 4/2022 khi Huỳnh Thị Yến L5 liên hệ thuê Code của T8 để tạo lập hồ sơ khách hàng vay tiền của Công ty F1, T8 đã cho Yến L5 thuê 02 Code (luongngoc0706@gmail.com và khanhphanky@gmail.com) và lấy tiền thuê là 8.200.000 đồng. T8 biết rõ việc Yến L5 thuê các Code này là để làm giả hồ sơ vay tiền chiếm đoạt của Công ty F1, vì trước đó T8 đăng nhập vào một số Code mà Yến L5 thuê, xem hồ sơ giải ngân được tạo lập bằng các Code thuê và biết các hồ sơ đó là làm giả. Sau khi thuê 02 Code trên của T8, Yến L5 cung cấp cho Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 sử dụng lừa làm giả 04 hồ sơ khách hàng ở tỉnh Phú Thọ (tên khách hàng là Nguyễn Thị T15, Khương Minh N6, Hoàng Thị Ngọc M2, Bùi Thị T16), chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền 257.300.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 3/2022 đến cuối tháng 11/2022, Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 cùng các bị cáo (Huỳnh Thị Yến L5, Vũ Văn S4, Nguyễn Viết K2, Vũ Văn Q2, Nguyễn Hoàng A) đã cấu kết lừa tạo lập 24 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.426.800.000 đồng. Trong đó, từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022, H1, T1, Yến L5 và S4 lừa tạo lập 17 hồ sơ, chiếm đoạt 1.040.300.000 đồng; từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022, H1, T1, K2, Q2, Hoàng A lừa tạo lập 07 hồ sơ, chiếm đoạt 386.500.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Khúc Minh T8 và Phạm Hải L8:

Từ năm 2021, Khúc Minh T8 làm dịch vụ hỗ trợ khách hàng vay vốn của các Công ty tài chính, qua đó T8 tìm hiểu và biết được các bước làm hồ sơ khách hàng vay vốn của Công ty F1, nên đã nảy sinh ý định lừa tạo lập hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tiền của Công ty F1. T8 tìm những người có nhu cầu vay tiền trong các hội, nhóm trên mạng xã hội, đồng thời T8 đăng bài quảng cáo hỗ trợ vay vốn của Công ty F1 trên Facebook, phí dịch vụ từ 5% đến 10% khoản vay. Khi tìm được khách hàng có nhu cầu vay vốn, T8 yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân để kiểm tra, nếu khách hàng đủ điều kiện vay thì T8 hẹn gấp để lừa tạo lập hồ sơ như chụp CCCD hoặc CMND và ảnh chân dung khách hàng để làm tài khoản ngân hàng O sử dụng nhận giải ngân khoản vay (T8 không nói cho khách hàng biết về tài khoản này). Làm xong tài khoản ngân hàng, T8 sử dụng Code thuê, mượn từ trước để tạo lập hồ sơ, sau đó T8 tiếp tục đến gặp chụp lại ảnh khách hàng để tạo lập hồ sơ vay vốn và ký hợp đồng điện tử (T8 nêu lý do là hồ sơ chưa được duyệt, nên phải chụp ảnh lại). Khi Công ty F1 giải ngân khoản vay vào tài khoản ngân hàng O do T8 quản lý, T8 đã chuyển hết số tiền được giải ngân sang tài khoản số 000006305378 mang tên Lê Văn V3 mở tại S6 (T8 mua trên mạng xã hội), rồi rút tiền tại các cây ATM chiếm đoạt, chi tiêu cá nhân.

Đối với một số khách hàng có nhu cầu vay tiền của Công ty F1 và có đủ điều kiện vay, tuy nhiên sau đó họ lại không muốn vay nữa, nhưng T8 nói dối là “Công ty F1 hỗ trợ dịch Covid-19 bằng hình thức trả lại một phần tiền bảo hiểm của khoản vay trước đó khách đã vay với Công ty F1. T8 là nhân viên Công ty B3, được cử đi chi trả tiền bảo hiểm”. Khi khách hàng đồng ý nhận tiền “bảo hiểm”, thì tùy từng trường hợp T8 gấp và đưa số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, sau đó T8 lừa chụp ảnh khách hàng và nói dối là để gửi về Công ty xác nhận đã trả tiền “bảo hiểm” (thực chất là T8 lừa tạo lập hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tiền của Công ty F1). Để thực hiện hành vi lừa đảo trên, T8 đã rủ Phạm Hải L8 sinh năm 1995 (trú tại xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình) là bạn của T8 cùng tham gia, Hải L8 đồng ý và T8 nói rõ cho Hải L8 biết việc lừa làm hồ sơ vay vốn là để chiếm đoạt tiền của Công ty F1.

Ngoài ra, tháng 4/2022 khi Huỳnh Thị Yến L5 liên hệ thuê Code của T8 để tạo lập hồ sơ khách hàng vay tiền của Công ty F1, T8 đã cho Yến L5 thuê 02 Code (luongngoc0706@gmail.com và khanhphanky@gmail.com) và lấy tiền thuê là 8.200.000 đồng. T8 biết rõ việc Yến L5 thuê các Code này là để làm giả hồ sơ vay tiền chiếm đoạt của Công ty F1, vì trước đó T8 đăng nhập vào một số Code mà Yến L5 thuê, xem hồ sơ giải ngân được tạo lập bằng các Code thuê và biết các hồ sơ đó là làm giả. Sau khi thuê 02 Code trên của T8, Yến L5 cung cấp cho Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 sử dụng lừa làm giả 04 hồ sơ khách hàng ở tỉnh Phú Thọ (tên khách hàng là Nguyễn Thị T15, Khương Minh N6, Hoàng Thị Ngọc M2, Bùi Thị T16), chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền 257.300.000 đồng.

Với phương thức, thủ đoạn trên, từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022, T8 và Hải L8 đã thực hiện hành vi lừa tạo lập 18 hồ sơ khách hàng ở các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Ninh Bình, Yên Bái, Bắc Ninh và thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.085.100.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022, Khúc Minh T8 đã có hành vi tham gia và trực tiếp lừa làm giả 22 hồ sơ khách hàng, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.342.400.000 đồng (từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022, T8 một mình lừa làm giả 13 hồ sơ, chiếm đoạt 789.400.000 đồng; tháng 4/2022, T8 cho Yến L5 thuê 02 Code với giá 8.200.000 đồng để cung cấp cho H1 và Đ1 lừa tạo lập giả 04 hồ sơ, chiếm đoạt 257.300.000 đồng; từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022, T8 và Hải L8 lừa làm giả 05 hồ sơ, chiếm đoạt 295.700.000 đồng). Tổng số tiền T8 chiếm đoạt của Công ty F1 và hưởng lợi từ việc cho Yến L5 thuê C1 là 1.093.300.000 đồng, trong đó T8 đã chi cho việc lừa làm giả hồ sơ khách hàng hết 183.100.000 đồng (trả tiền “bảo hiểm” cho khách hàng 1.700.000 đồng; trả lại 52.000.000 đồng cho các khách hàng để quay video đề phòng khi nhân viên an ninh của Công ty F1 hỏi thì đưa ra làm bằng chứng là khách hàng đã nhận tiền; tất toán khoản vay 61.400.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim T17, trú tại thôn P, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội, vì bà T17 biết bị Tân lừa và

dọa báo Công an; trả công cho Hải L8 tham gia lừa làm giả 05 hồ sơ số tiền 68.000.000 đồng); Tân hưởng lợi 910.200.000 đồng. Từ tháng 4/2022 đến tháng 8/2022, Phạm Hải L8 đã có hành vi tham gia giúp sức cho T8 lừa làm giả 05 hồ sơ vay tiền của khách hàng, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 295.700.000 đồng và hưởng lợi 68.000.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến ngày 26/11/2022, các nhóm bị cáo do Nguyễn Huy Đ6 và Trần Anh L1; Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1; Nhóm bị cáo Khúc Minh T8 chủ mưu, cầm đầu đã cấu kết lừa tạo lập tổng số 255 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 tổng số tiền là 14.938.600.000 đồng.

II. HÀNH VI LÀM GIẢ TÀI LIỆU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC; SỬ DỤNG TÀI LIỆU GIẢ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC:

1. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Huy Đ6:

Đầu tháng 11/2021, Đ6 nghiên cứu, tìm hiểu cách tạo lập hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tiền của Công ty F1. Đ6 đã chụp 02 CMND và 01 CCCD có trong dữ liệu khách hàng vay vốn của Công ty F1, rồi đưa ảnh vào máy tính, dùng phần mềm Photoshop để chỉnh sửa thông tin ở mặt trước gồm họ tên, số CMND và CCCD, thay ảnh chân dung khác (mặt sau của CMND và CCCD giữ nguyên, không thay đổi). Các CMND và CCCD do Đ6 làm giả có thông tin như sau: (1) CMND số 132233484, mang tên Nguyễn Thị Diễm P2, sinh năm 2000, trú tại xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; ghép ảnh chân dung của Huỳnh Thị Yến L5. (2) CMND số 132233483, mang tên Nguyễn Phong V1, sinh năm 1999, trú tại xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; ghép ảnh chân dung của Đ6. (3) CCCD số 034095006228, mang tên Bùi Đắc D1, sinh năm 1995, trú tại T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; ghép ảnh chân dung của Trần Anh L1 (Yến L5 và L1 không biết việc Đ6 làm giả CMND và CCCD trên).

Sau đó, Đ6 sử dụng các CMND và CCCD giả trên để đăng ký mở tài khoản ngân hàng O; trước khi hoàn tất việc mở tài khoản, Đ6 tiếp tục chụp ảnh chân dung của Đ6, Yến L9 và L1 để xác thực (Yến L5 và L1 không biết Đ6 chụp ảnh mình lúc nào). Sau khi có các tài khoản online, Đ6 đã lừa tạo lập 03 hồ sơ vay vốn khách hàng, chiếm đoạt tiền của Công ty F1 138.700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đ6 khai nhận đã trực tiếp làm giả các CMND và CCCD trên, sau đó Đ6 đưa cho L1 đi in màu rồi mang về cùng nhau đăng ký mở tài khoản ngân hàng O (Yến L5 không biết việc này). Nhưng L1 không thừa nhận, không biết việc Đ6 làm giả các CMND và CCCD. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng không đủ căn cứ xác định L1 tham gia cùng với Đ6 làm giả 02 CMND và 01 CCCD nêu trên.

2. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Lê Thị N2 và Nguyễn Văn Q:

Tháng 12/2021, biết Nguyễn Tiến Đ3 sử dụng Z “Phát Đạt” quảng cáo làm tài khoản ngân hàng online nhanh, không cần giấy tờ, chỉ cần tên người đăng ký tài khoản và số điện thoại sử dụng dịch vụ Internet Banking, nên Nguyễn Hoàng A đã giới thiệu cho Nguyễn Huy Đ6. Sau đó, Đ6 đã liên hệ, thỏa thuận thuê Đ3 làm tài khoản ngân hàng O, với giá 2.000.000 đồng/01 tài khoản (lúc này Đ3 không biết Đ6 sử dụng tài khoản ngân hàng online để lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Thực tế Đ3 không biết làm tài khoản ngân hàng O, sau khi nhận đặt hàng của Đ6 thì Đ3 phải liên hệ với Lê Thị N2 qua Z “Phổ Kisd” để thuê N2 làm với giá 800.000 đồng/01 tài khoản còn Đ3 chỉ đứng giữa hưởng tiền chênh lệch. Đồng thời, Đ3 cung cấp qua Zalo cho N2 họ tên chủ tài khoản, số điện thoại để đăng ký tài khoản và nhận mã OTP từ hệ thống của ngân hàng gửi đến (các thông tin này đều do Đ6 cung cấp cho Đ3).

Để mở được tài khoản ngân hàng online theo yêu cầu của Đ3 thì N2 phải làm giả Chứng minh nhân dân (CMND) hoặc Căn cước công dân (CCCD) có tên trùng với tên người mà Đ3 cung cấp. Nguyên vào các trang trên mạng Internet tìm và tải phôi CMND và CCCD về máy tính của mình, rồi sử dụng phần mềm Photoshop để chỉnh sửa thông tin ở mặt trước gồm họ tên cho đúng với đặt hàng của Đ3 và chỉnh sửa từ 03 đến 05 số cuối trong dãy số có sẵn trên phôi CMND hoặc CCCD (mặt sau phôi CMND và CCCD thì giữ nguyên). Sau đó, N2 lấy giấy dán vào ảnh chân dung của mình để tạo ra nhiều khuôn mặt khác nhau và ghép vào phần ảnh chân dung trên các phôi CMND hoặc CCCD đã chỉnh sửa, chụp lại và in ra ảnh màu, rồi cắt bằng với kích thước CMND và CCCD thật. Đồng thời, N2 dùng giấy tạo ra nhiều mặt nạ tương ứng với những ảnh chân dung mà N2 vừa tạo ra để gắn vào các phôi CMND hoặc CCCD trên.

Trong quá trình làm giả CMND và CCCD, N2 đã nhờ chồng mình là Nguyễn Văn Q sinh năm 1986 (cùng trú tại thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) đeo mặt nạ giấy để chụp ảnh làm giả 20 CMND và chụp ảnh khuôn mặt của Q đeo mặt nạ để đăng ký mở 20 tài khoản ngân hàng online. Thời gian đầu, Q không biết N2 cho Q đeo mặt nạ giấy và chụp ảnh Quyền để làm gì; đến ngày 05/01/2022 Q phát hiện thấy một số ảnh màu in CMND do N2 làm, có gắn ảnh chân dung của N2 đeo mặt nạ giấy, nên mới nghi ngờ N2 làm giả CMND. Quyền hỏi thì N2 đã nói rõ cho Q biết việc làm giả CMND là để đăng ký mở tài khoản ngân hàng O thuê cho một số người lấy tiền chi tiêu. Mặc dù biết việc N2 làm giả CMND để sử dụng đăng ký mở tài khoản ngân hàng online thuê, là vi phạm pháp luật, nhưng ngày 07/01/2022 Q vẫn giúp sức cho N2 bằng cách đeo mặt nạ để chụp ảnh làm giả 03 CMND có thông tin như sau: (1) CMND số 350254188, mang tên Lê Thị C3, trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (2) CMND số 350488524, mang tên Nguyễn Thị Ngọc H16, trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (3) CMND số 352412258, mang tên Lê Thị B, trú tại xã B,

huyện C, tỉnh An Giang. Sau đó, N2 sử dụng các CMND giả này và tiếp tục chụp ảnh khuôn mặt Quyền đeo mặt nạ giấy để đăng ký mở 04 tài khoản ngân hàng online.

Sau khi làm giả xong CMND hoặc CCCD, N2 dùng điện thoại di động đăng nhập vào ứng dụng mở tài khoản ngân hàng online của các Ngân hàng để đăng ký mở tài khoản với các tên chủ tài khoản do Đ3 cung cấp. Nguyên chụp ảnh hai mặt CMND hoặc CCCD vừa làm giả, nhập số điện thoại dùng đăng ký tài khoản ngân hàng (số điện thoại do Đ6 cung cấp cho Đ3 và Đ3 cung cấp cho N2); khi hệ thống gửi mã OTP về số điện thoại mà N2 vừa sử dụng để đăng ký tài khoản (số điện thoại do Đ6 quản lý), Đ6 chuyển mã OTP này cho Đ3 và Đ3 chuyển cho N2 để đăng nhập vào ứng dụng; lúc này ứng dụng sẽ yêu cầu phải quét chụp ảnh chân dung để hoàn tất việc đăng ký mở tài khoản. Nguyên lấy mặt nạ giấy tương ứng với hình ảnh chân dung dán trên CMND hoặc CCCD đeo vào mặt mình và sử dụng điện thoại di động chụp ảnh khuôn mặt cho đến khi hệ thống báo đăng ký thành công tài khoản online. Sau đó, N2 đặt mật khẩu đăng nhập tài khoản và chuyển qua Zalo cho Đ3 để Đ3 chuyển cho Đ6.

Thời gian đầu, Đ6 thuê Đ3 làm tài khoản ngân hàng O (sau đó Đ3 thuê N2 làm; Đ3 không biết việc N2 làm giả CMND hoặc CCCD để sử dụng đăng ký mở tài khoản ngân hàng). Do thời gian nhập mã OTP để đăng ký tài khoản ngắn, nên Đ3 đã cho Đại tài khoản Zalo của N2 để Đ6 trực tiếp gửi mã OTP cho N2. Sau khi có tài khoản Zalo của N2, thì Đ6 vừa thuê Đ3 vừa thuê N2 làm tài khoản ngân hàng online cho mình. Đ6 trả tiền công cho N2 bằng với trả tiền công cho Đ3 là 2.000.000 đồng/01 tài khoản. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022, N2 còn nhận làm thuê tài khoản ngân hàng O cho Huỳnh Thị Yến L5, Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1. Các tài khoản ngân hàng N2 làm cho Yến L5, sau đó Yến L9 đã cung cấp cho H1 và T1 sử dụng để tạo lập hồ sơ vay vốn của khách, chiếm đoạt tiền của Công ty F1.

Căn cứ kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến cuối tháng 5/2022, Lê Thị N2 và Nguyễn Văn Q đã thực hiện hành vi làm giả 161 CMND và C4 (Nguyên làm giả 158 CMND và CCCD; N2 và Q làm giả 04 CMND). Sau đó, N2 sử dụng các CMND và CCCD giả này để đăng ký mở 161 tài khoản ngân hàng O tại các Ngân hàng TMCP C9; Ngân hàng TMCP A2; Ngân hàng TMCP K4 và cung cấp cho Đ6, Đ3, Yến L5, H1 và T1; N2 được hưởng số tiền là 482.800.000 đồng (Đ3 trả 100.300.000 đồng; Đ6 trả 364.500.000 đồng; Yến L5 trả 16.000.000 đồng; H1 và T1 trả 2.000.000 đồng). Trong đó, Q biết rõ việc N2 sử dụng 03 CMND mà Q tham gia giúp N2 làm giả trên để sử dụng đăng ký mở tài khoản online thuê; Quyền không được hưởng lợi về tiền. Tất cả các tài khoản ngân hàng online trên đều được các nhóm Đ6 và L1, H1 và T1 sử dụng để lừa tạo lập hồ sơ vay vốn khách hàng, chiếm đoạt tiền của Công ty F1 (N2 không biết việc các nhóm Đ6 và L1, H1 và T1 sử dụng các tài khoản ngân hàng này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản).

III. HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG MÁY TÍNH, MẠNG VIỄN THÔNG, PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN HÀNH VI CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Thị N2 và Hoàng Văn X1 đối với Bùi Văn S5:

Đầu tháng 3/2022, Bùi Văn S5 sinh năm 1992 (trú tại số C, đường số A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh) liên hệ qua Zalo với Lê Thị N2 thỏa thuận mua một tài khoản Ngân hàng TMCP K5 (T27) được mở tại quầy giao dịch, đăng ký sử dụng dịch vụ Internet Banking là số điện thoại của S5 (0902.639.283), với giá là 3.000.000 đồng. Sau đó, N2 nhờ Hoàng Văn X1 sinh năm 1986 (trú tại thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) đến T27 Chi nhánh thành phố T, dùng thông tin của X1 đăng ký mở tài khoản số 19037850357023 và sử dụng số điện thoại trên của S5 đăng ký dịch vụ Internet Banking (N2 nói với X1 mở tài khoản này để phục vụ việc buôn bán); đăng ký xong X1 chuyển mật khẩu cho N2 rồi N2 gửi cho S5 sử dụng vào việc giao dịch mua bán tiền ảo trên mạng xã hội.

Ngày 09/3/2022, X1 đến T27 chi nhánh thành phố T lấy thẻ ATM của tài khoản trên, khi ra cây ATM đổi mật khẩu X1 thấy trong tài khoản có tiền, Xuân N7 là tiền của N2 nên đã rút 3.000.000 đồng để sử dụng. Sau đó, Ngân hàng gửi thông báo nội dung rút tiền trên đến số điện thoại của S5 và S5 đã gửi thông báo này cho N2, hỏi lý do tại sao rút tiền, nhưng N2 không trả lời. Khi biết X1 rút tiền của S5, N2 gọi điện cho X1 lấy thẻ ATM cùng số tiền X1 đã rút ra; đồng thời N2 nói cho X1 biết số tài khoản này N2 đã bán cho S5 và nghi ngờ S5 làm ăn phi pháp, tiền trong tài khoản là tiền không hợp pháp. N2 bảo X1 gọi điện đến Ngân hàng kiểm tra số dư tài khoản, khi nào có tiền thì đi rút về chia nhau; X1 đã gọi điện hỏi Ngân hàng, nhưng số điện thoại của X1 không phải là số đã đăng ký mở tài khoản, nên Ngân hàng không cung cấp thông tin cho X1.

Đến ngày 23/3/2022, Ngân hàng khóa số tài khoản trên với lý do ảnh chụp CCCD của X1 bị mờ. S5 lại gọi điện hỏi N2 tại sao tài khoản bị khóa và N2 nói dối là “Công an đang điều tra nên khóa tài khoản”, thấy thế S5 không liên lạc với N2 nữa. Sau đó, N2 bảo X1 ra Ngân hàng xem tài khoản của S5 có bao nhiêu tiền để rút về; X1 ra Ngân hàng hỏi và được nhân viên thông báo lý do tài khoản bị khóa và cho biết số dư tài khoản là hơn 700.000.000 đồng. X1 gọi điện nói thông tin này cho N2 biết và N2 đã hẹn X1 hôm sau cùng ra Ngân hàng rút tiền, N2 sẽ chia cho X1. Ngày 24/3/2022, N2 và X1 đến T27 Chi nhánh thành phố T để rút hết số tiền có trong tài khoản của S5, nhưng Ngân hàng không đủ tiền mặt nên chỉ rút được 200.000.000 đồng. Sau đó, X1 đổi số điện thoại sử dụng dịch vụ Internet Banking của S5 sang số của X1 rồi cho N2 sử dụng dịch vụ để chuyển tiền; N2 đã chuyển 500.000.000 đồng từ tài khoản của S5 sang tài khoản của chị gái N2 là Lê Thị H17 và nhắn với H17 là cho N2 gửi

số tiền này, khi nào cần sử dụng N2 sẽ lấy; đồng thời N2 chuyển 2.400.000 đồng còn lại đến tài khoản của N2 mở tại Ngân hàng TMCP N12 (V6). Đối với số tiền 200.000.000 đồng rút trực tiếp tại quầy, sau đó N2 đã chia cho X1 50.000.000 đồng, N2 lấy 150.000.000 đồng; còn số tiền gửi H17, tháng 02/2023 H17 chuyển lại cho N2, sau đó N2 sử dụng mua bán tiền ảo trên mạng xã hội hết.

Như vậy, trong các ngày 09 và 24/3/2022, Lê Thị N2 đã có hành vi đăng nhập trái phép vào tài khoản số 19037850357023 mở tại T27 của Bùi Văn S5 và chiếm đoạt của S5 tổng số tiền là 705.400.000 đồng (trước đó N2 đã nhờ Hoàng Văn X1 đăng ký số tài khoản này để N2 bán cho S5 sử dụng); N2 hưởng lợi số tiền là 655.400.000 đồng. Hoàng Văn X1 đã có hành vi giúp sức cho Lê Thị N2 đăng nhập trái phép vào tài khoản số 19037850357023 mở tại T27 của Bùi Văn S5 để chiếm đoạt số tiền 702.400.000 đồng; X1 hưởng lợi số tiền là 50.000.000 đồng (đối với số tiền 3.000.000 đồng mà ngày 09/3/2022 X1 rút từ tài khoản của S5 ra định sử dụng, vì Xuân nghĩ là tài khoản của Nguyễn nên mới tự ý rút tiền, không biết N2 đã bán tài khoản này cho S5; ngay khi N2 yêu cầu, X1 đã đưa hết số tiền trên cùng chiếc thẻ ATM cho N2, sau đó N2 mới nói cho X1 biết trước đó đã bán tài khoản này cho S5. Do đó, không quy kết trách nhiệm của X1 đối với số tiền 3.000.000 đồng trên).

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê Thị N2 đối với Nguyễn Huy Đ6:

Đầu tháng 4/2022, Nguyễn Huy Đại liên H18 với N2 mua 01 tài khoản ngân hàng mở tại quầy để sử dụng lâu dài. N2 đồng ý và lấy lý do cần có tài khoản ngân hàng phục vụ buôn bán quần áo, nên N2 nhờ bạn là Lê Thị T18 sinh năm 1992 (trú tại thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) đến Ngân hàng Đ8, Chi nhánh huyện H (B4) sử dụng thông tin của T18, còn số điện thoại sử dụng dịch vụ Internet Banking là của Đ6 (N2 cung cấp cho T18) để mở tài khoản số 50510000563478. Sau đó, N2 bán tài khoản này cho Đ6 với giá 4.000.000 đồng và Đ6 đã sử dụng tài khoản này làm tài khoản trung chuyển tiền chiếm đoạt của Công ty F1 (T18 không biết N2 bán tài khoản này cho Đ6).

Ngày 25/4/2022, Đại lừa tạo lập hồ sơ vay vốn khách hàng có là tên Lương Thị N8 sinh năm 1994 (trú tại thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái), chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền 65.700.000 đồng. Ngay sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, Đ6 đã chuyển hết sang tài khoản số 50510000563478 mang tên Lê Thị Tuyết M3 tại B4 (trước đó Đ6 mua của N2), mục đích để tiếp tục chuyển sang tài khoản khác rồi rút tiền ra (trong tài khoản số 50510000563478 lúc đó có số tiền là 68.782.000 đồng, bao gồm cả số dư). Cùng thời gian này, N2 lấy lý do tài khoản không chuyển được tiền và nhờ T18 ra B4 Chi nhánh huyện H kiểm tra hộ, nếu có tiền thì N2 chiếm đoạt (T18 không biết mục đích này của N2). Sau đó, T18 đến Ngân hàng đưa CCCD của mình ra để hỏi thì được nhân viên Ngân hàng cho biết nguyên nhân không chuyển được tiền có thể do mạng bị lỗi, chỉ có thể chuyển tiền trực tiếp tại quầy; thấy thế T18 gọi điện nói cho N2

biết lý do tài khoản nên nhân viên Ngân hàng biết T18 không phải là người sử dụng tài khoản và yêu cầu T18 phải đổi lại số điện thoại đăng ký tài khoản là số của T18, nếu không Ngân hàng sẽ khóa tài khoản. T18 không hỏi ý kiến của N2 mà tự đổi sang điện thoại của mình là 0384.088.890 để đăng ký sử dụng dịch vụ Internet Banking của tài khoản số 50510000563478 theo yêu cầu của nhân viên Ngân hàng. Ngay sau đó Đ6 nhận được thông báo về việc đổi số điện thoại trên và gọi điện hỏi N2, đồng thời nói cho N2 biết trong tài khoản hiện còn hơn 68.000.000 đồng. Lúc này N2 biết là T18 đổi số điện thoại, nhưng nói với Đ6 là để N2 hỏi lại bên thứ ba (bên mở tài khoản). Đồng thời, N2 gọi điện cho T18 hỏi và biết lý do Tuyệt đổi số điện thoại; khoảng 18 giờ cùng ngày, T18 đến nhà N2, tại đây N2 đã dùng dịch vụ Internet Banking chuyển 68.732.000 đồng trong tài khoản số 50510000563478 sang tài khoản số 3500205988843 của N2 mở tại Ngân hàng N13 (A3), còn để lại số dư trong tài khoản là 50.000 đồng. Sau đó, N2 chuyển khoản cho T18 3.000.000 đồng để trả công, nhưng chỉ nói là cho T18 vay.

Sáng 26/4/2022, Đ6 nhờ người hỏi thì được biết vào tối 25/4/2022 toàn bộ số tiền 68.732.000 đồng trong tài khoản số 50510000563478 mang tên Lê Thị T18 đã chuyển sang tài khoản khác, nên Đ6 đã gọi điện cho N2 đòi tiền, nhưng N2 không thừa nhận việc lấy tiền của Đ6, mà bảo để N2 hỏi lại người làm tài khoản. Đ6 yêu cầu N2 phải đền số tiền trên, vì Đ6 mua tài khoản mở tại quầy giao dịch, không phải tài khoản online. Nhưng sau đó Đ6 lại thỏa thuận, yêu cầu N2 chỉ cần đền M6 số tiền bị mất là 34.000.000 đồng và bảo N2 không cần phải đền bằng tiền mặt, mà trừ vào tiền Đ6 thuê N2 làm tài khoản ngân hàng O. N2 đồng ý và đã làm tài khoản ngân hàng O để trừ hết số tiền 34.00.000 đồng theo yêu cầu của Đ6.

Như vậy, ngày 25/4/2022 Lê Thị N2 đã có hành vi sử dụng thông tin về tài khoản ngân hàng số 50510000563478 mang tên Lê Thị T18, mở tại B4 mà Nguyễn Huy Đ6 đang sử dụng (tài khoản này do N2 nhờ T18 đăng ký mở, sau đó N2 đã bán cho Đ6) để chiếm đoạt của Đại số tiền 68.732.000 đồng.

IV. HÀNH VI ĐÁNH BẠC:

Quá trình điều tra mở rộng vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty F1, còn xác định Đinh Tiến Đ; Đoàn Văn T19 sinh năm 1997 (trú tại thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi ở Phòng A, sảnh S, Vinhomes S, Quận N, thành phố Hà Nội); Nguyễn Anh T20 sinh năm 2002 (trú tại Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng); Nguyễn Thị Hồng D3 sinh năm 1995 (trú tại Khu B, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ; tạm trú Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên); Nguyễn Đồng Khánh H9 sinh năm 2000 (trú tại thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang) và Hoàng Thúy Q3 sinh năm 1998 (trú tại xóm G, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) đã có hành vi sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi Đánh bạc bằng

hình thức đặt cược tiền vàng vào các trò “T21, X2” và “Xóc, Đ4” trong ứng dụng QQLive (đây là ứng dụng xem Live stream và đánh bạc, hoạt động trái phép, không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động).

Để tham gia đánh bạc, các đối tượng tải ứng dụng QQLive về điện thoại di động của mình, đăng ký tài khoản bằng số điện thoại và được ứng dụng cấp một dãy số ID (cấp riêng cho mỗi người), chọn tài khoản ngân hàng để liên kết với ứng dụng dùng để chuyển tiền nạp vào tài khoản ngân hàng do ứng dụng cung cấp đổi thành tiền vàng (tỷ lệ quy đổi 1.000 đồng = 01 tiền vàng); sau đó dùng tiền vàng tham gia đánh bạc tại một phòng bất kỳ đang Live stream trong ứng dụng QQLive. Tùy từng trò chơi có quy định riêng về thể lệ tham gia, số tiền vàng đặt cược, số tiền thắng được nhận (như chơi “T21 - Xiu” sẽ mất 3% tiền vàng mỗi lần đặt cược thắng). Quá trình chơi muốn rút tiền về tài khoản thì chọn mục “rút tiền vàng”, nhập số tiền vàng cần rút, hệ thống sẽ tự động thông qua tài khoản ngân hàng trả tiền VNĐ vào tài khoản ngân hàng đã được liên kết với hệ thống từ trước (tỷ lệ quy đổi 01 tiền vàng = 1.000 đồng). Hình thức chơi “T21 - Xiu”, khi ba mặt xúc xắc có tổng từ 03 điểm đến 10 điểm là “Xiu”, từ 11 điểm đến 18 điểm là “Tài”; chơi “Xóc Đĩa”, khi có 02 chấm trắng và 02 chấm đỏ hoặc đều chấm trắng, đều chấm đỏ hiện ra là chẵn, còn một chấm trắng và 03 chấm đỏ hoặc một chấm đỏ và 03 chấm trắng hiện ra là lẻ. Cụ thể hành vi đánh bạc của Nguyễn Đồng Khánh H9:

Khoảng tháng 12/2022, H9 được tuyển làm Idol Show trên ứng dụng QQLive. H9 đã tải ứng dụng QQLive về điện thoại di động Iphone 11 ProMax và đăng ký bằng số điện thoại 0394.842.333 của mình, đặt tên tài khoản là “[LV] Huka” để đăng nhập vào ứng dụng thực hiện Live stream. Quá trình làm Idol, H9 biết ứng dụng QQLive là trang đánh bạc trực tuyến, gồm các trò như “Xóc Đĩa”, “T21 - Xiu ...”. Cuối tháng 12/2022, H9 lại tải ứng dụng QQLive về điện thoại Iphone 8 Plus của mình, mục đích để tham gia đánh bạc; H9 sử dụng số điện thoại 0966.978.476 đăng ký tên Nguyễn Phương N3 (là chồng H9), nhưng do H9 quản lý, sử dụng và đăng ký tài khoản đăng nhập vào ứng dụng là “0966978476”, tên nhân vật là “Mlemzzzzz”; liên kết với ứng dụng là tài khoản ngân hàng số 0394842333 của H9 mở tại M7 và H9 được ứng dụng cấp số ID: 3019975430 để đánh bạc. Sau đó, H9 nạp tiền bằng cách chuyển tiền khoản từ tài khoản M7 của mình đến các tài khoản ngân hàng khác nhau do ứng dụng cung cấp. Sau khi được quy đổi thành tiền vàng, H9 ở địa bàn tỉnh Bắc Giang đã sử dụng điện thoại di động để tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi “T21 - Xiu” và “Xóc Đĩa” trong ứng dụng QQLive.

Căn cứ lịch sử nạp, rút tiền, đặt cược trên ứng dụng QQLive và tài liệu sao kê lịch sử các lần giao dịch chuyển, nạp tiền từ tài khoản ngân hàng của H9, xác định trong các ngày 21, 25/7/2023 và các ngày 10, 13, 15/8/2023, H9 sử dụng tài khoản số 0394842333 của mình mở tại M7 để chuyển tiền nạp vào các tài khoản ngân hàng do ứng dụng QQLive cung cấp. Ngoài ra, H9 còn được một

số người chơi, xem Live stream trong ứng dụng QQLive chuyển nạp tiền vào ứng dụng để quy đổi thành tiền vàng cho H9. Trong các ngày trên, H9 đã 16 lần nạp tổng số tiền 51.600.000 đồng (05 lần nạp trên 5.000.000 đồng với số tiền 34.000.000 đồng; 11 lần nạp dưới 5.000.000 đồng với số tiền là 17.600.000 đồng). Sau đó, H9 sử dụng tham gia đánh bạc bằng hình thức đặt cược vào trò “T21, X2” và “Xóc, Đ4” trong ứng dụng QQLive. Quá trình chơi, H9 thắng tiền vàng và quy đổi rút về tài khoản ngân hàng của mình tổng số tiền là 58.979.000 đồng (05 lần rút trên 5.000.000 đồng với số tiền là 55.766.000 đồng; 01 lần rút 3.213.000 đồng).

Như vậy, trong các ngày 21, 25/7/2023 và 10, 13, 15/8/2023, Nguyễn Đồng Khánh H9 đã sử dụng tổng số 110.579.000 đồng để tham gia đánh bạc bằng hình thức đặt cược vào các trò “T21 - Xiu” và “Xóc Đĩa” trong ứng dụng QQLive.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04/6/2024, Tòa án nhân dân tỉnh T28 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy Đại P4 các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Các bị cáo Trần Anh L1, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D và Khúc Minh T8 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Lê Thị Nguyên P5 các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Đinh Tiên Đ phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); điểm s (với cả hai tội), điểm b khoản 1 (với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Huy Đ6** 19 (mười chín) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Anh L1** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Thế H1** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc T1** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Kim D** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 30/3/2023.

6. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b (đối với tội lừa đảo), s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đinh Tiến D** 12 (mười hai) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/01/2023.

7. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Vũ Minh C** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến ngày 19/8/2023.

8. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đường Thị Phương T4** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

9. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Khúc Minh T8** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 30/5/2023.

10. Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 290; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 (đối với tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thị N2** 05 (năm) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; 08 (tám) năm tù về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn

thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến ngày 23/9/2023.

11. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đồng Khánh H9** 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; biện pháp tư pháp; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo:

Vũ Minh C kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo;

Nguyễn Đồng Khánh H9 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, xem xét bị tạm giữ 02 ngày trái pháp luật và yêu cầu trả lại vật chứng là chiếc máy tính;

Lê Thị N2 kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” và tuyên bị cáo không phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”;

Trần Anh L1 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm (giảm hình phạt và xem xét lại phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại);

Các bị cáo Phạm Thế H1, Đinh Tiến Đ, Khúc Minh T8, Đỗ Huy Đ5, Nguyễn Quốc T1, Ngô Thị Kim D, Đường Thị Phương T4 kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 thay đổi kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, không đề nghị xem xét bị tạm giữ 2 ngày và yêu cầu trả lại vật chứng là chiếc máy tính; các bị cáo khác giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Đường Thị Phương T4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của các bị hại và những người có liên quan, các kết luận giám định và kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quy kết bị cáo Nguyễn Huy Đ6 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm c, d khoản 2 Điều 341; các bị cáo Trần Anh L1,

Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D và Khúc Minh T8 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; bị cáo Lê Thị N2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 4 Điều 290; bị cáo Đinh Tiến Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 321; bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan. Áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L1, Đ6, T1, H1 không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới, các bị cáo Đ, H9, T8, N2 cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo. Đối với bị cáo T4 và bị cáo C cung cấp thêm tài liệu mới đã khắc phục toàn bộ số tiền còn phải bồi thường và một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D dù không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thể hiện thái độ khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình và quá trình tham gia phạm tội với các bị cáo khác.

Về phân trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án, từ đó xác định Nguyễn Huy Đ6 giữ vai trò cao nhất nhưng buộc bị cáo Đ6 và L1 mỗi bị cáo phải thực hiện $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ bồi thường là không phù hợp, cần buộc bị cáo Đ6 chịu trách nhiệm đối với 60% số tiền chiếm đoạt của Công ty F1 còn 40% là trách nhiệm của Trần Anh L1.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị Kim D, Đường Thị Phương T4 và Vũ Minh C, giảm cho bị cáo D và T4, mỗi bị cáo 06 tháng tù, giảm cho bị cáo C từ 01 - 02 năm tù; Chấp nhận kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự của bị cáo Trần Anh L1; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo còn lại và giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Huy Đ6 và Phạm Thế H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với hai bị cáo là quá nghiêm khắc, tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Luật sư Trần Chung K1 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Anh L1: Không nhất trí và bác bỏ toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân cấp cao tại Hà Nội vì theo phần tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì có thể thấy cơ quan điều tra Công an tỉnh T đã có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, chưa thực hiện điều tra, xác minh, làm rõ đối với Vi Thị X3. Bản án sơ thẩm nhận định Trần Anh L1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án, chỉ sau Nguyễn Huy Đ6 là chưa chính xác, không có cơ sở và những luận cứ bào chữa của Luật sư chưa được thể hiện đầy đủ trong bản án là Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo được tính công khai, minh bạch.

Việc truy tố, xét xử Trần Anh L1 theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xác định trách nhiệm dân sự của L1 phải có trách nhiệm bồi thường là oan sai, không đủ căn cứ, chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm. Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với Vi Thị X3, sao kê bổ sung toàn bộ các tài khoản ngân hàng của Vi Thị X3 và Nguyễn Huy Đ6, truy tố đúng với số tiền liên quan đến Trần Anh L1 để áp dụng chính xác điều luật đối với bị cáo, trung cầu giám định bổ sung đối với các kết luận giám định của Công an tỉnh T.

Luật sư Trần Chung K1 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lê Thị N2: Các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng chưa xác định sự thật, vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự, ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo Lê Thị N2 và Hoàng Văn X1.

Từ những chứng cứ chưa được làm rõ và quá trình điều tra, truy tố, xét xử thiếu khách quan của các cơ quan tiến hành tố tụng tại tỉnh T28, anh S5 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thanh toán khi mua tài khoản với N2; đề nghị HĐXX không chấp nhận lời khai của anh Bùi Văn S5 và chấp nhận lời khai của bị cáo Lê Thị N2. Hành vi của bị cáo Lê Thị N2 cũng chưa đủ cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”, chưa có căn cứ xác định bị hại bị chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của Hoàng Văn X1 và việc xác định Lê Thị N2 phải có trách nhiệm đối với số tiền mà X1 rút là không đúng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T28, tuyên bị cáo Lê Thị N2 không phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư Nguyễn Hồng T5 đồng tình với quan điểm trình bày của luật sư Trần Chung K1, hành vi của bị cáo N2 không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” mặc dù hành vi chuyển tiền bất hợp pháp là vi phạm pháp luật, đây có thể là hành vi phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357 để chuyển tội danh và tuyên bị cáo phạm tội nhẹ hơn có thể là tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Các Luật sư bào chữa đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T1, Ngô Thị Kim D và Đinh Tiến Đ, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4 và Khúc Minh T8: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Trong vụ án này, vai trò của các bị cáo đều là giúp sức cho các bị cáo Nguyễn Huy Đ6 và Trần Anh L1, đã bồi thường một phần cho bị hại và được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của Công ty F1 nên kính đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật đối với người biết ăn năn, hối cải.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, ngoài những nội dung đề nghị cơ bản trên đây, các bị cáo và người bào chữa đã nêu ra các tình tiết, vấn đề cụ thể về việc đánh giá chứng cứ, lời khai để chứng minh cho quan điểm, đề nghị, đều đã được phản ánh đầy đủ trong biên bản phiên tòa.

Căn cứ các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của người bào chữa, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng.

[1.2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Trần Anh L1, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D, Khúc Minh T8, Lê Thị N2, Đinh Tiến Đ và Nguyễn Đồng Khánh H9 trong hạn luật định, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đường Thị Phương T4 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo, xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có kháng cáo là Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D, Khúc Minh T8, Đinh Tiến Đ, Nguyễn Đồng Khánh H9 đều nhất trí với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trần Anh L1 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Cấp sơ thẩm để lọt tội phạm, bỏ lọt chứng cứ quan trọng dẫn đến việc xác định trách nhiệm hình sự, quy kết trách nhiệm bồi thường dân sự không đúng với vị trí, vai trò và trách nhiệm của bị cáo trong vụ án; Bị cáo Lê Thị N2

kháng cáo đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Anh L1 và Lê Thị N2, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Anh L1 không thừa nhận hành vi phạm tội giai đoạn từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022, bị cáo L1 khai chỉ giúp Nguyễn Huy Đ6 trong việc in CCCD, CMND và thi thoảng lọc danh sách khách hàng nhưng không biết đó là hành vi làm giả hồ sơ vay vốn. Bị cáo khai nhận giai đoạn tháng 3 đến tháng 5/2022 bị cáo biết Đ6 làm giả hồ sơ vay vốn do thời điểm đó bị cáo nhận các code từ bị cáo D và chuyển lại cho bị cáo Đ6, bị cáo chỉ tham gia với vai trò giúp sức chứ không phải chủ mưu, không phải người tổ chức như cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1 ở các bút lục 18939, 18947, 19974, 18963, 19011, 19015; Nguyễn Quốc T1 tại bút lục 19062, 19118, 19156; Bùi Thị Yến L10 tại bút lục 168659, 18660, 18710; Ngô Thị Kim D tại bút lục 18743, 18810, 18814, 18837; Vũ Minh C tại bút lục 1924, 1926, 19385, 19387, 19472; lời khai của các bị cáo Ngô Thị Kim D, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1 đều cùng khai báo tháng 10/2021 các bị cáo Ngô Thị Kim D, Huỳnh Thị Yến L5 từ miền N bay ra Hà Nội ở cùng các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Trần Anh L1 tại khách sạn, địa chỉ số I Đ. Diệu là người yêu của bị cáo L1, L1 và D ở cùng 1 phòng, Đ6 và Yến L5 ở cùng 1 phòng, giữa tháng 12/2021 H1 và T1 chuyển đến ở cùng 1 phòng, sau này cả nhóm chuyển sang chung cư thì Đ6, Yến L5 vẫn ở chung 1 phòng; D và L1 ở chung 1 phòng; H1 và T1 ở chung 1 phòng.

Lời khai các bị cáo Đ6, H1, T1, Yến L5, Kim D về vai trò của bị cáo Trần Anh L1 giai đoạn tháng từ 11/2021 đến tháng 01/2022 phù hợp với chính lời khai của bị cáo Trần Anh L1 trong quá trình điều tra. Cụ thể:

Bản tự khai ngày 26/11/2022 (BL 18.640) bị cáo tự khai với nội dung: *“..Đến tháng 12/2021 tôi mới hiểu và nhận thức được việc làm của Đ6 và việc bảo tôi, H1, T1 là làm giả hồ sơ vay tiền để lấy tiền của FE, tuy nhiên do được Đ6 nuôi ăn ở và còn nợ tiền F nên tôi vẫn làm cho Đ6 khoảng 20 ngày nữa”.*

Biên bản hỏi cung ngày 26/11/2023 (BL 18.462) bị cáo khai: *“...Đến khoảng đầu tháng 12/2021, tôi mới hiểu và nhận thức được việc làm của Đ6 và việc Đ6 bảo tôi, H1, T1 là làm giả hồ sơ vay tiền để lấy tiền của FE CREDIT. Tuy nhiên do được Đ6 nuôi ăn ở và còn nợ tiền FE CREDIT nên tôi vẫn làm cho Đ6 khoảng 20 ngày nữa... Từ tháng 12/2021, tôi mới nhận thức được là Đ6 đang làm hồ sơ vay tiền giả để lấy tiền của FE CREDIT nhưng tôi vẫn tiếp tục làm cho Đ6 vì còn nợ tiền FE CREDIT và được Đ6 nuôi ăn, ở. Tôi thấy việc làm*

của tôi là sai đã giúp sức cho Đ6 làm giả hồ sơ vay tiền để lấy tiền của FE CREDIT.”

Biên bản hỏi cung ngày 31/01/2023 (BL 18.473-18.475) bị cáo khai: “Tôi chỉ tham gia vào việc in dữ liệu, in màu chứng minh nhân dân của khách hàng, những việc còn lại do Đ6 làm, tôi không biết rõ. Số tiền làm giả hồ sơ Đ6 rút về để trong két ở phòng của tôi và D ở, thời gian đầu Đ6 cho tôi biết mật khẩu két nhưng sau đó Đ6 thay đổi, tôi không biết. Tôi giúp Đ6 chi trả tiền bằng cách chuyển khoản theo những tài khoản ngân hàng mà Đ6 đưa cho tôi (Đ6 lấy tiền trong két đưa cho tôi nộp vào tài khoản của tôi và dùng số tiền này chi trả theo yêu cầu của Đ6), việc chi tiêu hàng ngày của cả nhóm cũng do tôi sử dụng tiền Đ6 làm giả hồ sơ có được để chi tiêu.

Tôi không biết chính xác ở giai đoạn này Đ6 làm được bao nhiêu hồ sơ, số tiền thu được là bao nhiêu, khi Đ6 đưa tiền về để trong két tôi cũng không kiểm tra nên không biết.

Khi nhận lời làm giúp Đ6, tôi và Đ6 đã thỏa thuận từ trước là tôi không lấy tiền công, chỉ cần Đại nuôi tôi ăn, ở và trả nợ giúp tôi, mỗi tháng 3.300.000 đồng. Đầu tháng 1/2022, trước khi nghỉ tết năm 2022, Đ6 bảo với tôi chuyển khoản cho L5 tiền công của L5, tôi đã chuyển khoản cho L5 47.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng, tôi chuyển khoản mua vé máy bay cho L5; chuyển khoản cho D 50.000.000 đồng nhưng D không lấy với lý do Diệu yêu tôi nên làm giúp tôi, không lấy tiền công. Số tiền còn lại do Đ6 quản lý... Tôi không biết Đ6 làm được bao nhiêu hồ sơ, chiếm đoạt được bao nhiêu tiền của Công ty F1, cũng không biết Đ6 chia cho mỗi người bao nhiêu tiền. Thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 01/2022, tiền làm giả hồ sơ vay tiền Đại để trong két bạc trên phòng của tôi và D ở, lúc đầu Đ6 cho tôi mật khẩu nhưng sau đó lại đổi mật khẩu. Khi muốn chuyển tiền cho ai, Đại mở két lấy tiền đưa cho tôi, nhờ tôi nộp tiền vào tài khoản của tôi sau đó chuyển khoản đến tài khoản do Đ6 yêu cầu, tôi chuyển tiền nhiều nhất là cho X3 (vợ Đ6). Một số chi tiêu hàng ngày cho cả nhóm do tôi chi trả bằng số tiền Đ6 đưa cho tôi nộp vào tài khoản của tôi.”

Lời khai bị cáo Trần Anh L1 trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Huỳnh Thị Yến L5, Ngô Thị Kim D, Vũ Minh C trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo Đ6, H1, T1, L5, C tại phiên tòa sơ thẩm; Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Đ6, H1, T1, L5, C đều khai khi kết thúc mỗi ngày được bao nhiêu hồ sơ thì Đ6 sẽ tính toán số tiền được hưởng của từng người, sau đó Đ6 hoặc L1 sẽ xuống sảnh khách sạn để người rút tiền mặt mang đến, sau đó Đ6 sẽ trả cho H1, T1, phần còn lại L1 quản lý và mang về phòng ở của L1.

Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Anh L1 còn được chứng minh bằng việc bị cáo chuyển khoản thanh toán tiền công cho các bị cáo khác như bị cáo Nguyễn Anh Q1, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2023 bị cáo khai: L1

là người trả tiền cho Q1 vào tài khoản của Q1, Phạm Thế H1 khai L1 chuyển tiền công cho H1, những lời khai này phù hợp với lịch sử chuyển khoản tài khoản 107001060003307 của bị cáo Trần Anh L1 (BL 6592, 6593), của bị cáo Nguyễn Anh Q1 (BL 6616); Ngoài ra lịch sử giao dịch còn thể hiện từ ngày 05/12/2021 cho đến ngày 31/01/2021 bị cáo Trần Anh L1 sử dụng tài khoản của Trần Anh L1 nhiều lần chuyển khoản vào tài khoản Nguyễn Minh H19 (do bị cáo Đinh Tiến Đ sử dụng), chuyển khoản cho bị cáo Ngô Thị Kim D.

Về nội dung Trần Anh L1 sử dụng Zalo “Mina” tham gia hướng dẫn chỉ đạo các bị cáo khác: Mặc dù bị cáo Trần Anh L1 không thừa nhận sử dụng nick Zalo “Mina”; tuy nhiên căn cứ lời khai của Nguyễn Huy Đ6 tại biên bản hỏi cung ngày 09/6/2023 Đ6 khai L1 sử dụng Zalo M4 và dùng Zalo M4 hướng dẫn C chụp ảnh làm hợp đồng Hà Thị T22 ngày 28/12/2021; Lời khai của Phạm Thế H1 tại biên bản hỏi cung ngày 20/6/2023, 26/6/2023, 04/11/2023; Lời khai Nguyễn Quốc T1 tại biên bản hỏi cung ngày 27/6/2023, 04/11/2023; Lời khai của Vũ Minh C xác định L1 sử dụng Zalo Mina hướng dẫn C chụp ảnh T22 và sử dụng Zalo này từ trước khi làm giả hồ sơ tại biên bản hỏi cung ngày 14/6/2023, 14/10/2023; Nội dung tin nhắn Zalo ngày 20/10/2021 giữa tài khoản Zalo “Trung Hoàng” của C và tài khoản “Mina”, C khai đây là tài khoản của L1. Tin nhắn thể hiện M4 là L1. Ảnh 57, 58 Zalo Mina nhắn tin cho C nói C cho khách hàng số điện thoại của người sử dụng Zalo Mina để người sử dụng Zalo M4 gọi điện cho khách hàng, sau đó người sử dụng Zalo Mina cho C số điện thoại của Trần Anh L1 để khách hàng gọi điện nói chuyện với người sử dụng tài khoản Zalo Mina. Ảnh 61, 62, C liên tục gọi người sử dụng tài khoản Zalo Mina là L1 (BL 19.402). Như vậy, người sử dụng tài khoản Zalo Mina là Trần Anh L1, phù hợp với lời khai của Đ6, H1, T1 và C. Trần Anh L1 chính là người tham gia làm giả hồ sơ từ giai đoạn tháng 11/2021 như Đ6, H1, T1, L5 và D khai.

Như vậy căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Huy Đ6 cũng như lời khai của các bị cáo H1, T1, Yên L5, Kim D, Vũ Minh C, Nguyễn Anh Q1 cùng các tài liệu chứng cứ khác như sao kê tài khoản ngân hàng số 107001060003307 tại ngân hàng B5 của bị cáo Trần Anh L1 (BL 6588 - 6618), đủ căn cứ xác định: Trần Anh L1 biết việc Nguyễn Huy Đ6 làm giả hồ sơ vay vốn chiếm đoạt của công ty F1 từ thời điểm đầu tháng 12/2021 (thời điểm chuyển khoản cho Nguyễn Anh Q1), bị cáo đồng phạm với bị cáo Đ6 bằng việc thực hiện các hành vi: In danh sách khách hàng, In mẫu căn cước, chứng minh thư nhân dân khách hàng, kiểm tra điều kiện vay của các khách hàng, quản lý tiền có được từ việc làm giả hồ sơ vay tiền, sử dụng Zalo “Mina” để hướng dẫn gửi thông tin các trường hợp cần chụp ảnh, gửi tên đăng nhập, mật khẩu ứng dụng FE cho bị cáo C, việc bị cáo kêu oan đối với các hành vi trong giai đoạn tháng 11/2021 đến tháng 01/2022 là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Anh L1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật, không oan.

Đối với bị cáo Lê Thị N2, mặc dù các tài khoản ngân hàng mang tên Hoàng Văn X1, Lê Thị T18 đều do Hoàng Văn X1 và Lê Thị Tuyết M3, tuy nhiên bị cáo N2 đã bán trái phép cho Nguyễn Huy Đ6, Bùi Văn S5. Thời điểm bị cáo N2 chiếm đoạt tiền thì các tài khoản này do Nguyễn Huy Đ6, Bùi Văn S5 là người đang quản trị, quản lý, sử dụng trên thực tế, mọi giao dịch đều thực hiện thông qua ứng dụng mobile banking, mã OTP (phải sử dụng ứng dụng internet để truy cập) đều được nhà mạng gửi về số điện thoại do Nguyễn Huy Đ6, Bùi Văn S5 quản lý; Số tiền trong tài khoản của Nguyễn Huy Đ6 do lừa đảo mà có, số tiền trong tài khoản của Bùi Văn S5 do mua bán tiền ảo mà có, không phải của bị cáo Lê Thị N2, bị cáo N2 đã đăng nhập vào tài khoản ngân hàng do Nguyễn Huy Đ6, Bùi Văn S5 quản lý sử dụng chiếm đoạt trái phép số tiền này. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về tội danh của bị cáo cũng như đề nghị chuyển tội danh của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị N2 tại phiên tòa.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án có đồng phạm với nhiều bị cáo tham gia, mỗi bị cáo giữ một vai trò khác nhau. Do đó cần xem xét đánh giá vị trí, vai trò và hành vi của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp:

[3.1]. Nguyễn Huy Đ6:

- Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Từ tháng 8/2021 đến cuối tháng 11/2022, Nguyễn Huy Đ6 giữ vai trò chủ mưu, cầm đầu, lôi kéo, chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, điều hành cùng với 24 bị cáo khác có liên quan trong vụ án, cấu kết thực hiện hành vi lừa tạo lập 213 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 tổng số tiền là 12.419.700.000 đồng (từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021, Đ6 một mình lừa tạo lập 14 hồ sơ, chiếm đoạt 664.900.000 đồng; từ tháng 11/2021 đến cuối tháng 11/2022, Đ6 và các đồng phạm cấu kết lừa tạo lập 199 hồ sơ, chiếm đoạt 11.754.800.000 đồng).

- Hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Đầu tháng 11/2021, Đ6 có hành vi sử dụng phần mềm Photoshop trên máy tính làm giả 02 CMND và 01 CCCD gồm: (1) CMND số 132233484, mang tên Nguyễn Thị Diễm P2, sinh năm 2000, trú tại xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; ghép ảnh chân dung của Huỳnh Thị Yến L5. (2) CMND số 132233483, mang tên Nguyễn Phong V1, sinh năm 1999, trú tại xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; ghép ảnh chân dung của Đ6. (3) CCCD số 034095006228, mang tên Bùi Đắc D1, sinh năm 1995, trú tại T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình; ghép ảnh chân dung của Trần Anh L1; Sau đó, Đ6 sử dụng các CMND và CCCD giả trên để đăng ký mở tài khoản ngân hàng O và sử dụng làm tài khoản nhận giải ngân trong 03 hồ sơ vay vốn mà Đ6 lừa tạo lập, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 138.700.000 đồng. Thông tin các hồ sơ vay vốn như sau: (1) Nguyễn Thị Diễm P2 sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Kon Tum; giải ngân 36.900.000 đồng ngày 02/11/2021. (2) Nguyễn Phong V1 sinh

năm 1992, trú tại ấp C, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên; giải ngân 52.900.000 đồng ngày 02/11/2021. (3) Bùi Đắc D1 sinh năm 1990, trú tại thôn N, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; giải ngân 48.900.000 đồng ngày 11/11/2021.

Bị cáo Nguyễn Huy Đ6 là đối tượng chủ mưu, cầm đầu, chỉ đạo các bị cáo khác dùng thủ đoạn gian dối để làm giả các hồ sơ vay vốn chiếm đoạt tài sản của Công ty F1. Tổng số hồ sơ vay vốn bị cáo Đ6 làm giả là 213 hồ sơ, với tổng số tiền chiếm đoạt của Công ty F1 là: 12.419.700.000 đồng (Mười hai tỷ, bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra, bị cáo Đ6 còn làm giả 02 CMND, 01 CCCD và sử dụng những tài liệu này đăng ký, mở tài khoản ngân hàng để sử dụng vào việc làm giả hồ sơ vay vốn của Công ty F1.

Do đó xác định bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án.

[3.2]. Trần Anh L1: Trong thời gian từ tháng 11/2021 đến cuối tháng 5/2022, Trần Anh L1 đã có hành vi tích cực tham gia cùng với Nguyễn Huy Đ6 và các bị cáo khác có liên quan trong vụ án lừa tạo lập 173 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 10.255.900.000 đồng. Trong quá trình làm giả hồ sơ vay, bị cáo L1 thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra thông tin khách hàng, in mẫu căn cước công dân, sử dụng Zalo hướng dẫn các chân chạy, nhấn tên đăng nhập, mã OTP cho các bị cáo chụp ảnh, rút tiền mặt và quản lý số tiền chiếm đoạt được, thực hiện chi trả một số khoản tiền chi phí để phục vụ làm giả hồ sơ vay do đó bị cáo giữ vai trò thứ 2 sau bị cáo Đ6.

[3.3]. Ngô Thị Kim D: Từ ngày 02/11/2021 đến cuối tháng 5/2022, D đã có hành vi giúp sức cho Nguyễn Huy Đ6 và Trần Anh L1 tham gia lừa tạo lập 165 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 9.730.600.000 đồng. Bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực trong vụ án.

[3.4]. Phạm Thế H1: Từ tháng 12/2021 đến tháng 11/2022, H1 đã giúp sức cho Nguyễn Huy Đ6 và Trần Anh L1; đồng thời chủ mưu cùng với Nguyễn Quốc T1, Huỳnh Thị Yến L5 thực hiện hành vi lừa tạo lập 121 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 7.282.200.000 đồng.

[3.5]. Nguyễn Quốc T1 đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Nguyễn Huy Đ6 và bị cáo Trần Anh L1 làm giả hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tài sản của Công ty F1; Ngoài ra bị cáo còn giữ vai trò chủ mưu khi cùng bị cáo Phạm Thế H1 và bị cáo Huỳnh Thị Yến L5 tự làm giả hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt tài sản của Công ty F1. Số hồ sơ bị cáo T1 tham gia làm giả là 124 hồ sơ, với tổng số tiền chiếm đoạt là 7.466.000.000 đồng.

Do đó xác định bị cáo Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 có vai trò ngang nhau, cao hơn các bị cáo Huỳnh Thị Yến L5, Ngô Thị Kim D.

[3.6]. Đinh Tiến Đ:

- Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Từ tháng 4/2022 đến tháng 11/2022, Đ đã có hành vi giúp sức cho Nguyễn Huy Đ6 trực tiếp đi chụp ảnh

khách hàng, lừa tạo lập 02 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 111.100.000 đồng; giúp sức cho Đ6, Yên L5, H1 và T1 làm 33 tài khoản ngân hàng online để các bị cáo này sử dụng làm tài khoản nhận giải ngân trong 33 hồ sơ vay vốn (nhận tiền lừa đảo), chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.925.400.000 đồng. Tổng cộng Đ đã giúp sức cho các bị cáo trên lừa tạo lập 35 hồ sơ vay vốn (02 hồ sơ Đ trực tiếp đi chụp ảnh khách hàng; 33 hồ sơ sử dụng tài khoản online mà Đ nhận làm để hưởng tiền chênh lệch), chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 2.036.500.000 đồng. Đ được hưởng tiền chênh lệch nhận làm tài khoản ngân hàng O (gồm cả số tiền chênh lệch làm tài khoản mà Đ đã hưởng trước tháng 4/2022, khi chưa biết các bị cáo trên sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản) và tiền công Đ6 thuê Đ đi lừa chụp ảnh khách hàng, tạo lập 02 hồ sơ vay vốn là 406.394.447 đồng.

Các bị cáo Đinh Tiến Đ và Nguyễn Hoàng A mặc dù số tiền phạm tội thấp hơn một số bị cáo khác cùng bị xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên các bị cáo giúp sức tích cực, bán tài khoản ngân hàng, bán code ứng dụng cho vay của FE tạo điều kiện để các bị cáo khác thực hiện tội phạm, đồng thời thu lợi bất chính số tiền lớn, do vậy đánh giá vai trò các bị cáo thấp hơn bị cáo T1, H1 và cao hơn các bị cáo khác.

[3.7]. Đường Thị Phương T4: Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 07/01/2022, T4 đã giúp sức cho Nguyễn Huy Đ6 và dưới sự quản lý của Trương Thị Úy T11 trực tiếp đi trả tiền “bảo hiểm”, lừa chụp ảnh khách hàng ở các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước để tạo lập 45 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 2.713.300.000 đồng; T4 được hưởng lợi 75.300.000 đồng, vai trò bị cáo tích cực và cao hơn bị cáo T11.

[3.8]. Vũ Minh C: Từ ngày 28 đến ngày 31/12/2021, C đã có hành vi giúp sức cho Nguyễn Huy Đ6 trực tiếp đi chụp ảnh khách hàng, Hà Thị T22, sinh năm 1991, trú tại thôn K, xã Y, huyện C; giải ngân 70.000.000 đồng ngày 28/12/2021. Sau khi chụp ảnh Hà Thị T22, C biết việc làm chụp ảnh là lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn tiếp tục quản lý Trương Thị Úy T11 và đối tượng Nguyễn Hoàng L6 tham gia lừa tạo lập 16 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 613.800.000 đồng; C được hưởng lợi 34.515.000 đồng. Vũ Minh C tham gia với vai trò là người đi chụp ảnh các khách hàng làm giả hồ sơ chiếm đoạt số tiền thấp nhất trong các bị cáo bị truy tố theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3.9]. Khúc Minh T8: Từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2022, T8 đã có hành vi cho Huỳnh Thị Yên L5 thuê 02 Code để cung cấp cho Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1 sử dụng lừa tạo lập 04 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 257.300.000 đồng, T8 được hưởng lợi 8.200.000 đồng; đồng thời T8 còn chủ mưu cùng với Phạm Hải L8 lừa tạo lập 18 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 số tiền là 1.085.100.000 đồng. Tổng cộng T8 đã tham gia giúp

sức và trực tiếp lừa tạo lập 22 hồ sơ vay vốn, chiếm đoạt của Công ty F1 tổng số tiền là 1.342.400.000 đồng. Nên bị cáo giữ vai trò chính trong việc thực hiện hành vi lừa đảo của bị cáo, giữ vai trò cao hơn bị cáo Phạm Hải L8.

[3.10]. Lê Thị N2:

- Hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Từ tháng 12/2021 đến cuối tháng 5/2022, N2 cùng với chồng mình là Nguyễn Văn Q đã có hành vi sử dụng phần mềm Photoshop trên máy tính làm giả 161 CMND và CCCD (Nguyên một mình làm giả 157 CMND và CCCD; N2 và Q làm giả 04 CMND). Sau đó, N2 sử dụng các CMND và CCCD giả này để đăng ký mở 161 tài khoản ngân hàng O tại nhiều ngân hàng để cung cấp cho Đinh Tiến Đ, Nguyễn Huy Đ6, Huỳnh Thị Yến L5, Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1; N2 được hưởng lợi số tiền là 482.800.000 đồng (Đ trả 100.300.000 đồng; Đ6 trả 364.500.000 đồng; Yến L5 trả 16.000.000 đồng; H1 và T1 trả 2.000.000 đồng). Tất cả các tài khoản ngân hàng online trên đều được các bị cáo sử dụng làm tài khoản nhận giải ngân trong các hồ sơ vay vốn đã lừa tạo lập để chiếm đoạt tiền của Công ty F1 (Nguyên không biết việc các bị cáo sử dụng các tài khoản ngân hàng online mà N2 cấp để làm gì).

- Hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản: Trong các ngày 09 và 24/3/2022, N2 cùng với Hoàng Văn X1 đã có hành vi đăng nhập trái phép vào tài khoản số 19037850357023 mở tại T27 của Bùi Văn S5 và chiếm đoạt của S5 số tiền là 705.400.000 đồng (trước đó N2 nhờ X1 đăng ký số tài khoản này để bán cho S5 sử dụng). N2 hưởng lợi số tiền là 655.400.000 đồng. Đến ngày 25/4/2022, N2 tiếp tục có hành vi sử dụng thông tin tài khoản ngân hàng số 50510000563478 mang tên Lê Thị T18, mở tại B4 mà Nguyễn Huy Đ6 đang sử dụng (tài khoản này do N2 nhờ T18 đăng ký mở, sau đó N2 bán cho Đ6), để chiếm đoạt của Đại số tiền là 68.732.000 đồng.

Do đó bị cáo có vai trò chủ mưu, cao nhất trong cả hai tội.

[3.11]. Nguyễn Đồng Khánh H9: Trong các ngày 21, 25/7/2023 và ngày 10, 13, 15/8/2023, H9 đã sử dụng số tiền 92.766.000 đồng để tham gia đánh bạc bằng hình thức đặt cược vào các trò “T21 - Xiu” và “Xóc Đĩa” trong ứng dụng QQLive trên mạng Internet.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở nhiều địa phương, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu, xâm phạm hoạt động bình thường trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý, lưu trữ và bảo mật thông tin khách hàng của Công ty F1 để mua bán trao đổi sử dụng các dữ liệu khách hàng nhằm thực hiện

hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo lợi dụng công tác quản lý, lưu trữ, bảo mật thông tin dữ liệu khách hàng của Công ty F1 còn hạn chế, chưa chặt chẽ; còn để lộ, lọt ra ngoài một lượng lớn dữ liệu thông tin khách hàng, tạo điều kiện cho các đối tượng mua bán, trao đổi để sử dụng, thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sự lỏng lẻo trong công tác quản lý kinh doanh trên mạng Internet của các cơ quan chức năng để thực hiện hành vi đánh bạc.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Trần Anh L1, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D, Khúc Minh T8, Lê Thị N2 và Nguyễn Đồng Khánh H9 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Đinh Tiến Đ, Vũ Minh C, Đường Thị Phương T4, Ngô Thị Kim D, Lê Thị N2, Khúc Minh T8, Nguyễn Đồng Khánh H9 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Trần Anh L1 chỉ thành khẩn khai nhận hành vi trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa thành khẩn về hành vi phạm tội giai đoạn tháng 3 đến tháng 5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo cho bị cáo nhưng cần đánh giá mức độ thành khẩn khi lượng hình.

Bị cáo Nguyễn Huy Đ6 nộp 20.000.000đ; Trần Anh L1 nộp 30.000.000đ; Ngô Thị Kim D nộp 20.000.000đ; Phạm Thế H1 nộp 5.000.000đ; Nguyễn Quốc T1 nộp 5.000.000đ; Đinh Tiến Đ nộp 5.000.000đ; Vũ Minh C nộp 120.000.000đ (thừa so với số hưởng lợi 34.515.000đ), Lê Thị N2 nộp 200.000.000đ. Các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được áp dụng tình tiết tích cực bồi thường khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51, các bị cáo bị truy tố theo Điều 341 Bộ luật Hình sự được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình Sự.

Bị cáo Đường Thị Phương T4 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là phụ nữ có thai quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra các bị cáo có các tình tiết: Bị cáo Trần Anh L1 có ông ngoại là Trần Văn B1 được tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N. Bị cáo Nguyễn Huy Đ6 có ông bà nội là Nguyễn Huy P6, Nguyễn Thị B2 được tặng thưởng huy chương; Bị cáo Vũ Minh C có ông ngoại là Nguyễn Ngọc C5 là thương binh 4/4; Bị cáo Đinh Tiến Đ có ông ngoại là Võ Văn M5 được tặng thưởng huân chương; Bị cáo Ngô Thị Kim D có ông nội là Ngô Văn C6 tham gia dân công hỏa tuyến chống Pháp, chống Mỹ, được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; trong vụ án này công ty F1 có một phần lỗi trong việc quản lý mã code, cung cấp mã code cho nhân viên các công ty đối tác

nhưng không có biện pháp kiểm soát chặt chẽ, tạo sơ hở cho các bị cáo trong vụ án này và nhiều đối tượng khác trên cả nước thực hiện hành vi lừa đảo.

Nhóm các bị cáo phạm tội Đánh bạc: Bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng thu lợi từ hành vi đánh bạc và có ông ngoại là Nguyễn Mạnh C7 được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, huân chương kháng chiến hạng nhất.

Nhóm các bị cáo phạm tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử chiếm đoạt tài sản:

Bị cáo Lê Thị N2 có bố chồng là ông Nguyễn Đình V4 được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất, hạng nhì, hạng ba.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1 xuất trình biên lai nộp mỗi bị cáo 5.000.000 đồng tiền truy thu.

Bị cáo Lê Thị N2 xuất trình phiếu thu nộp 2.000.000 đồng ủng hộ đồng bào bị bão lụt do cơn bão số 3; phiếu siêu âm của Bệnh viện đa khoa huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện bị cáo đang mang thai là bản in, không có dấu xác nhận; Đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xác nhận bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 505.400.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm của người bị hại là anh Bùi Văn S5.

Bị cáo Đường Thị Phương T4 xuất trình biên lai nộp toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả và án phí dân sự theo quyết định của bản án sơ thẩm; Giấy chứng sinh của Bệnh viện Đa khoa thành phố B thể hiện bị cáo mới sinh con vào tháng 7/2024.

Bị cáo Vũ Minh C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, kèm theo H20, Huy chương và giấy khen của thân nhân gia đình bên nội, bên ngoại của bị cáo; sổ điều trị của bà Nguyễn Thị N1 (là mẹ đẻ bị cáo) tại Bệnh viện T28, các phiếu chỉ định của Bệnh viện B6 thể hiện mẹ bị cáo bị bệnh tim thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện.

Bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 có đơn xin hưởng án treo kèm theo tài liệu thể hiện: Quá trình tại ngoại bị cáo có tin báo tội phạm đến Công an xã L và phối hợp với công an trong việc đấu tranh xác minh làm rõ đối tượng Trộm cắp tài sản để xử lý theo quy định của pháp luật; Vợ chồng bị cáo hiện đã ly hôn bị cáo đang phải nuôi con nhỏ sinh năm 2018, kết quả siêu âm thể hiện bị cáo đang mang thai 13 tuần (bản in không có dấu xác nhận); xác nhận bị cáo đã ủng hộ cho H21 chữ thập đỏ xã P.

Do đó, các bị cáo Lê Thị N2 và Đường Thị Phương T4 được áp dụng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đồng Khánh H9, Lê Thị N2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Trần Anh L1, Đinh Tiến Đ không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới; Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1 có bồi thường thiệt hại tuy nhiên không đáng kể so với trách nhiệm các bị cáo phải thi hành. Các bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 và Lê Thị N2 có tình tiết giảm nhẹ mới tuy nhiên hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp, do đó không có căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Vũ Minh C có nhân thân tốt, sinh ra trong gia đình có công; bị cáo tham gia với vai trò giúp sức là người đi chụp ảnh các khách hàng làm giả hồ sơ chiếm đoạt số tiền 34.515.000 đồng, thấp nhất trong các bị cáo bị truy tố theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và đã bồi thường toàn bộ. Bị cáo Bị cáo Ngô Thị Kim D số tiền hưởng lợi không lớn, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra mở rộng cũng như sớm kết thúc vụ án; tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm. Bị cáo Đường Thị Phương T4 mới sinh con, tại cấp phúc thẩm được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó có căn cứ giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Anh L1 về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử thấy trách nhiệm bồi thường, nghĩa vụ hoàn trả của bị cáo Trần Anh L1 tại các giai đoạn đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Cụ thể ở từng giai đoạn như sau:

1. Giai đoạn từ 02/11/2021 đến 11/01/2022, các bị cáo tạo lập 99 hồ sơ lừa đảo 5.898.200.000 đồng và giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5/2022 các bị cáo tạo lập 74 hồ sơ chiếm đoạt 4.327.700.000 đồng, tổng 10.225.900.000 đồng được trừ đi các hồ sơ đã tất toán là 135.500.000 đồng. Do đó các bị cáo còn phải bồi thường 10.225.900.000 đồng – 135.500.000 đồng = 10.090.400.000 đồng. Do hai giai đoạn này bị cáo Trần Anh L1 tham gia với vai trò giúp sức, quản lý tiền nên cùng phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường trong đó các bị cáo Đ6, L1 phải liên đới bồi thường nhưng được trừ đi các khoản các cá nhân phải hoàn trả trong từng giai đoạn là 1.722.478.000 đồng.

Các bị cáo Trần Anh L1, Nguyễn Huy Đ6 phải liên đới bồi thường số tiền còn lại là: 10.090.400.000 đồng - 1.722.478.000 đồng = 8.367.922.000 đồng. Do bị cáo Đ6 là người chủ mưu, giữ vai trò chính nên phải chịu số tiền bồi thường nhiều hơn bằng 64% là 5.367.922.000 đồng; bị cáo L1 phải bồi thường 3.000.000.000 đồng tương ứng 36%.

2. Giai đoạn tháng 7 đến tháng 11/2022 các bị cáo lập 26 hồ sơ chiếm đoạt 1.528.900.000 đồng; Tuy nhiên số tiền của các khoản vay bị khóa trong tài

khoản ngay sau khi giải ngân không rút được là 107.700.000 đồng được trừ đi cho các bị cáo nên trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo trong giai đoạn này là 1.528.900.000 đồng - 107.700.000 đồng = 1.421.200.000 đồng. Tại giai đoạn này bị cáo Nguyễn Huy Đ6 là người tổ chức nên phải bồi thường thiệt hại nhưng được trừ đi các khoản các bị cáo khác phải bồi thường gồm:

Phạm Phương T9 phải hoàn trả: 7.400.000 đồng; Đinh Tiến Đ phải bồi thường: 118.500.000 đồng - 25.900.000 đồng = 92.600.000 đồng (Đ được trừ đi khoản đã thanh toán cho Đỗ Thị Thúy V5 25.500.000 đồng, Hồ Bích N9, Nguyễn Hữu T23 400.000 đồng); Nguyễn Hoàng A 88.000.000 đồng; Nguyễn Văn H12 72.500.000 đồng; Phạm Thế H1 14.050.000 đồng; Nguyễn Quốc T1: 14.050.000 đồng; Tăng Tất T13 3.800.000 đồng; Nguyễn Khắc Hoàng S3: 3.000.000 đồng; Lê Quốc T10: 39.710.000 đồng; Đỗ Thị Thúy V5 25.500.000 đồng; Nguyễn Hữu T23, Hồ Thị Bích N9 400.000 đồng.

Tổng Nguyễn Huy Đ6 còn phải bồi thường: 1.060.190.000 đồng;

Như vậy trách nhiệm bồi thường, nghĩa vụ hoàn trả của bị cáo Đ6 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức phải bồi thường, hoàn trả cho bị hại công ty F1 cụ thể: 664.900.000 đồng + 5.367.922.000 đồng + 1.060.190.000 đồng = **7.093.012.000 đồng**.

Đối với số tiền những người liên quan đã nộp cho cơ quan điều tra: Võ Thị Cẩm T24 3.000.000 đồng; Nguyễn Hoàng L6 nộp: 5.700.000 đồng; Nghiêm Thị H22 nộp 11.200.000 đồng; Nguyễn Thị Thùy T25 nộp 630.000 đồng, tổng cộng: 20.530.000 đồng đã được chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án cần trừ trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Nguyễn Huy Đ6 do đó bị cáo còn phải bồi thường 7.072.482.000 đồng; Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh T28 tại Biên lai số 0000050 ngày 27/5/2024; bị cáo còn phải bồi thường **7.052.482.000 đồng**.

Trần Anh L1 phải bồi thường: **3.000.000.000 đồng** trừ đi 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh T28 tại Biên lai số 0000042 ngày 13/5/2024, bị cáo còn phải bồi thường **2.970.000 đồng**.

[7]. Đối với Vi Thị X3 sinh năm 1997, trú tại Bản C, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An là người sống với Nguyễn Huy Đ6 như vợ chồng, ăn ở cùng nhà với Đại từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022. Tuy nhiên chưa đủ căn cứ xác định X3 không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Huy Đ6, do đó Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, nếu có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng Đỗ Ngọc N10, trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T nhiều lần tiến hành xác minh nhưng N10 không có mặt tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công

an tỉnh T tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Trần Anh L1, Đinh Tiến Đ, Khúc Minh T8, Lê Thị N2 và Nguyễn Đồng Khánh H9 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các bị cáo Vũ Minh C, Ngô Thị Kim D, Đường Thị Phương T4 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Trần Anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Trần Anh L1, Đinh Tiến Đ, Khúc Minh T8, Lê Thị N2 và Nguyễn Đồng Khánh H9. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Minh C; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị Kim D và Đường Thị Phương T4. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T28, cụ thể:

1.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); điểm s (với cả hai tội) điểm b khoản 1 (với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy Đ6 19 (mười chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 21 (hai mươi mốt) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Trần Anh L1 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

Bị cáo Phạm Thế H1 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

Bị cáo Nguyễn Quốc T1 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/11/2022.

Bị cáo Ngô Thị Kim D 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 30/3/2023.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b (đối với tội lừa đảo), s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Tiến Đ 12 (mười hai) năm tù về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/01/2023.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Minh C 03 năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 13/3/2023 đến ngày 19/8/2023.

1.5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đường Thị Phương T4 06 (sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

1.6. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Khúc Minh T8 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 30/5/2023.

1.7. Căn cứ điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 4 Điều 290; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 (đối với tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị N2 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 08 (tám) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến ngày 23/9/2023.

1.8. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đồng Khánh H9 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về phần trách nhiệm dân sự.

2.1. Buộc Trần Anh L1 phải bồi thường: **3.000.000.000 đồng** trừ đi 30.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh T28 tại Biên lai số 0000042 ngày 13/5/2024, bị cáo còn phải bồi thường **2.970.000.000 đồng**.

2.2. Buộc Nguyễn Huy Đ6 phải bồi thường 7.072.482.000 đồng; Xác nhận bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh T28 tại Biên lai số 0000050 ngày 27/5/2024; bị cáo còn phải bồi thường **7.052.482.000 đồng**.

3. Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Huy Đ6, Phạm Thế H1, Nguyễn Quốc T1, Trần Anh L1, Đinh Tiến Đ, Khúc Minh T8, Lê Thị N2 và Nguyễn Đồng Khánh H9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự.

Các bị cáo Vũ Minh C, Ngô Thị Kim D, Đường Thị Phương T4 không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Huy Đ6 phải chịu 115.072.482 đồng, Trần Anh L1 phải chịu 92.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Phạm Thế H1 và Nguyễn Quốc T1, mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường dân sự; Đường Thị Phương T4 nộp 79.112.000 đồng tiền bồi thường dân sự và án phí theo các Biên lai thu số 0000076 ngày 09/7/2024, 0000072, 0000071 cùng ngày 20/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T28.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T28;
- VKSND tỉnh T28;
- Cục THADS tỉnh T28;
- Công an tỉnh T28;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T28;
- Các bị cáo (qua TTG, địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà